

LỊCH THI CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 – 2025
(có thể thay đổi theo thực tế nhà trường)
(Tuần 16,17 từ 23/12/2024 đến hết 3/1/2025)

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
16	Hai	23/12/2024	3-Sáng	Tin
	Ba	24/12/2024	1-sáng	Công nghệ
	Tư	25/12/2024	2-sáng	GDCD
	Năm	26/12/2024	1+2 -sáng	Văn 8,9(theo phòng)
			3+4-Sáng	Văn 6,7(theo phòng)
	Sáu	27/12/2024	1+2- sáng	Toán 8,9(Theo phòng)
			3 -Sáng	Anh 8,9(theo phòng)
			1+2- Chiều	Toán 6,7(Theo phòng)
3 - Chiều			Anh 6,7(theo phòng)	
17	Hai	30/12/2024	2-Sáng	LS&ĐL(phần Sử)
			3-Sáng	LS&ĐL(phần Địa)
	Ba	31/12/2024	1+2-Sáng	KHTN
	Năm	2/1/2025	1-Sáng	GD&P
	Sáu	3/1/2025	5-Sáng	HĐTNHN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN THI CUỐI HỌC KỲ I CÁC MÔN KHỐI 9
NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN : TOÁN

A. Lý thuyết:

1. Đại số:

- Phương trình bậc nhất hai ẩn. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình và phương trình.
- Khái niệm căn bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = |A|$
- Các phép biến đổi căn bậc hai.
- Căn bậc ba

2. Hình học:

- Tỷ số lượng giác của góc nhọn.
- Hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.
- Sự xác định đường tròn, đường kính và dây của đường tròn
- Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn.
- Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.
- Góc ở tâm, góc nội tiếp

B. Bài tập:

DẠNG 1: PHƯƠNG TRÌNH VÀ HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN

Bài 1. Giải các hệ phương trình sau:

$$1) \begin{cases} -x + 2y = 3 \\ 5x - 3y = -1 \end{cases}$$

$$2) \begin{cases} 3x + 2y = 16 \\ 2x - 3y = -11 \end{cases}$$

$$3) \begin{cases} 2x - 3y = 1 \\ -4x + 6y = 2 \end{cases}$$

$$4) \begin{cases} 3x - 2y = 4 \\ 6x - 4y = 3 \end{cases}$$

$$5) \begin{cases} (x+1) + 2(y-2) = 5 \\ 3(x+1) - (y-2) = 1 \end{cases}$$

$$6) \begin{cases} (x+2)(y+3) - xy = 4 \\ (x-1)(y-2) - xy = 1 \end{cases}$$

$$7) \begin{cases} \frac{3x}{2} + 2y = 0 \\ \frac{x+y}{2} - \frac{2y}{3} = \frac{5}{2} \end{cases}$$

$$8) \begin{cases} x + y = \frac{4x-3}{5} \\ x + 3y = \frac{15-9y}{14} \end{cases}$$

$$9) \begin{cases} \frac{2}{x-1} - \sqrt{y+2} = -1 \\ \frac{3}{x-1} + 2\sqrt{y+2} = 9 \end{cases}$$

$$10) \begin{cases} \frac{1}{x} + \frac{2}{y} = 5 \\ \frac{4}{x} - \frac{1}{y} = 2 \end{cases}$$

$$11) \begin{cases} \frac{2}{x+1} + \frac{3}{y} = -1 \\ \frac{2}{x+1} + \frac{5}{y} = 1 \end{cases}$$

$$12) \begin{cases} \frac{1}{x+y} - \frac{2}{x-y} = \frac{3}{2} \\ \frac{5}{x+y} - \frac{4}{x-y} = \frac{9}{2} \end{cases}$$

DẠNG 2: PHƯƠNG TRÌNH VÀ BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT 1 ẨN

Bài 1. Giải các phương trình sau:

$$1) x^2 - 2x = 0$$

$$2) x^3 - 4x = 0$$

3) $(2x-1)^2 + (x-3)(2x-1) = 0$

4) $(2x-1)^2 = 49$

5) $(2x-3)^2 + 4x^2 - 9 = 0$

6) $3x(x+5) - 6(x+5) = 0$

7) $x^4 - x^2 = 0$

8) $x(x-3) - 4x + 12 = 0$

9) $(x-2)^2 - (2x+3)^2 = 0$

10) $(3x-2)^2 - 16 = 0$

Bài 2. Giải các phương trình sau:

1) $\frac{1}{7-x} = \frac{x-8}{x-7} - 8$

2) $\frac{x+5}{3x-6} - \frac{1}{2} = \frac{2x-3}{2x-4}$

3) $\frac{x-2}{x+2} + \frac{3}{2-x} = \frac{2(x-11)}{x^2-4}$

4) $\frac{6}{x^2-9} - \frac{1}{2x-7} = \frac{13}{(x+3)(2x-7)}$

5) $1 + \frac{x}{3-x} = \frac{5x}{(x+2)(3-x)} + \frac{2}{x+2}$

6) $\frac{2x}{x-1} + \frac{4}{x^2+2x-3} = \frac{2x-5}{x+3}$

Bài 3. Giải các bất phương trình sau:

1) $15x+4 < 12x-2.$

2) $3x-2(x+4) < 4(x-3).$

3) $2(x-5) - 4 \geq 5(x+3).$

4) $5x-4 > 7x+10$

5) $(x+2)^2 < x(x+1).$

6) $(4x+3)(x+2) < (2x+1)^2 - 5.$

7) $\frac{x-4}{3} + \frac{x}{4} \geq 1$

8) $\frac{5x+3}{8} - \frac{x-1}{2} \geq \frac{3x+1}{4}$

9) $\frac{2x-1}{3} - 3 \leq \frac{x+1}{5}$

10) $(x+2)(x+4) > (x-2)(x+8) + 26.$

11) $(x-4)^2 - (x+5)(x-5) \geq -8x+41.$

DẠNG 3: CĂN BẬC HAI, CĂN BẬC BA

Bài 1: Thực hiện phép tính – Rút gọn biểu thức

1) $\sqrt{(1-\sqrt{2})^2} - \sqrt{(1+\sqrt{2})^2}$; $\sqrt{(3-\sqrt{5})^2} + \sqrt{(3+\sqrt{5})^2}$; $\sqrt{11+6\sqrt{2}} - \sqrt{3-2\sqrt{2}}$

2) $\sqrt{81.49} + \sqrt{50}.\sqrt{2}$; $\sqrt{0,4}.\sqrt{0,81}.\sqrt{1000}$; $(15\sqrt{200} - 3\sqrt{450} + 2\sqrt{50}) : \sqrt{10}$;

3) $(2\sqrt{7} + 5\sqrt{3})\sqrt{3} - \sqrt{84}$; $\sqrt{75} + \sqrt{48} - \sqrt{300}$; $(\sqrt{3} + \sqrt{2})^2 + (\sqrt{3} - \sqrt{2})^2$;

4) $\frac{1}{2+\sqrt{3}} + \frac{1}{2-\sqrt{3}}$; $\frac{1}{\sqrt{2}-\sqrt{3}} + \frac{1}{\sqrt{2}+\sqrt{3}}$; $\frac{(5\sqrt{3} + \sqrt{50}) \cdot (5 - \sqrt{24})}{\sqrt{75} - 5\sqrt{2}}$;

5) $\sqrt[3]{-64}$; $\sqrt[3]{27} - \sqrt[3]{64} + 2\sqrt[3]{8}$; $\sqrt[3]{216} - \sqrt[3]{-27}$

Bài 2: Tìm x

1) $\sqrt{9x^2 - 12x + 4} = 3$

2) $\frac{x-\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1} = \frac{3}{2}$

3) $\frac{x+2\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1} = 8$

4) $x - \sqrt{x+9} = 3$

5) $\sqrt{x^2 - 6x + 9} + 3 = 2x$

6) $3\sqrt{4x+8} - \frac{2}{3}\sqrt{9x+18} + \frac{3}{5}\sqrt{25x+50} = 14$

7) $\sqrt{x-2} + \sqrt{x^2-4} = 0$

8) $\sqrt{x-3} - \sqrt{x^2-x-6} = 0.$

Bài toán tổng hợp

Bài 1: Cho biểu thức $A = \frac{x+\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}+2}$ và $B = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1} - \frac{x-\sqrt{x}+2}{x-\sqrt{x}}$ với $x > 0$; $x \neq 1$

a) Tính A khi $x = 9$ b) Rút gọn B và tìm x để $B = \frac{7}{3}$ c) Cho $P = A.B$. So sánh P với 3.

Bài 2: Với $x > 0; x \neq 9$, cho 2 biểu thức: $A = \frac{2\sqrt{x}-1}{3-\sqrt{x}}$ và $B = \frac{1}{\sqrt{x+5}} - \frac{\sqrt{x}-5}{\sqrt{x}} + \frac{2\sqrt{x}-25}{x+5\sqrt{x}}$

a) Tính A khi $x = 16$ b) Rút gọn B c) Với x là số tự nhiên lớn hơn 3, tìm GTNN của $M = A.B$

Bài 3: Với $x \geq 0; x \neq 9$ cho 2 biểu thức: $A = \frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x+3}}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x+3}} - \frac{\sqrt{x+3}}{\sqrt{x-3}} - \frac{x+11\sqrt{x}+6}{9-x}$

a) Tính A khi $x = 25$ b) Rút gọn B và $M = \frac{A}{B}$

c) Tìm x để: $M(\sqrt{x}+3) = \sqrt{x-5} - 2$

Bài 4: Cho 2 biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-4}$ và $B = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}+4} + \frac{5\sqrt{x}+12}{x-16}$ với $x \geq 0, x \neq 16$

a) Tính A khi $x = 36$ b) Rút gọn B, tìm x để $B < \frac{1}{2}$

c) Tìm m để pt: $\frac{A}{B} = m + 1$ có nghiệm

Bài 5: Với $x \geq 0; x \neq 4$. Cho 2 biểu thức: $A = \frac{2\sqrt{x}-3}{\sqrt{x}-2}$ và $B = \frac{2\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-2} + \frac{1}{\sqrt{x}+2} + \frac{x+4\sqrt{x}}{4-x}$

a) Tính A khi $x = 49$ b) Rút gọn B và $M = \frac{B}{A}$ c) Tìm x nguyên để M nguyên

Bài 6: Với $x \geq 0; x \neq 4; x \neq 9$, cho 2 biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}-3}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-2} + \frac{3}{\sqrt{x}+2} + \frac{9\sqrt{x}-10}{4-x}$

a) Tính A khi $x = 64$ b) Rút gọn B c) Với $M = \frac{B}{A}$. Tìm x để M nhận giá trị nguyên.

Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn:

Bài 1. Một xe ô tô và một xe máy cùng khởi hành từ A để đi đến B với vận tốc của mỗi xe không đổi trên toàn bộ quãng đường AB dài 120 km. Do vận tốc xe ô tô lớn hơn vận tốc xe máy là 10 km/h nên xe ô tô đến B sớm hơn xe máy 36 phút. Tính vận tốc của mỗi xe.

Bài 2. Trên quãng đường AB dài 200 km có hai ô tô đi ngược chiều. Xe 1 khởi hành từ A đi đến B, xe 2 khởi hành từ B đi đến A. Hai xe khởi hành cùng một lúc và sau 2 giờ thì gặp nhau. Tính vận tốc mỗi xe nếu vận tốc xe 2 lớn hơn vận tốc xe 1 là 10 km/h.

Bài 3. Hai bác Hà và Tuấn đi xe máy khởi hành cùng một lúc từ hai địa điểm cách nhau 150 km, đi ngược chiều nhau và gặp nhau sau 2 giờ. Tìm vận tốc của mỗi bác, biết rằng nếu bác Hà tăng vận tốc thêm 5 km/h và bác Tuấn giảm vận tốc 5 km/h thì vận tốc của bác Hà gấp đôi vận tốc của bác Tuấn.

Bài 4. Một ô tô dự định đi từ A đến B trong một thời gian nhất định. Nếu ô tô tăng vận tốc thêm 15 km thì đến nơi sớm hơn dự định 1 giờ, còn nếu ô tô giảm vận tốc 15 km/h thì đến nơi chậm mất 3 giờ so với dự định. Tính vận tốc của xe ô tô lúc đầu, thời gian dự định và độ dài quãng đường AB.

Bài 5. Một ô tô dự định đi từ A đến B trong một thời gian nhất định. Nếu xe chạy mỗi giờ nhanh hơn 10 km thì đến nơi sớm hơn dự định 3 giờ, còn nếu xe chạy chậm lại mỗi giờ 10

- km thì đến nơi chậm mất 5 giờ. Tính vận tốc của xe lúc đầu, thời gian dự định và thời gian dự định đi hết quãng đường AB.
- Bài 6. Một chiếc phà đi xuôi dòng 80 km và ngược dòng 64 km hết 8 giờ. Nếu cũng trên khúc sông ấy, chiếc phà đi xuôi dòng 45 km và ngược dòng 60 km thì chỉ hết 6 giờ. Tính vận tốc riêng của chiếc phà và vận tốc của dòng nước.
- Bài 7. Hai xí nghiệp theo kế hoạch phải làm tổng cộng 350 dụng cụ. Nhờ sắp xếp hợp lý dây chuyền sản xuất nên xí nghiệp I đã vượt mức 20% kế hoạch, xí nghiệp II đã vượt mức 10% kế hoạch, do đó cả hai xí nghiệp đã làm được 400 dụng cụ. Tìm số dụng cụ mỗi xí nghiệp phải làm theo kế hoạch.
- Bài 8. Năm ngoái tổng số dân của hai tỉnh A và B là 4 triệu người. Năm nay, dân số tỉnh A tăng 1,2%, còn tỉnh B tăng 1,1%. Tổng số dân của hai tỉnh năm nay là 4045000 người. Tính số dân của mỗi tỉnh năm ngoái và năm nay.
- Bài 9. Hai đội cùng sửa một đoạn đường thì sau 18 ngày thì làm xong. Nếu lúc đầu, đội I làm trong 6 ngày rồi nghỉ, đội II làm trong 8 ngày thì cả hai đội làm được 40% đoạn đường. Tính thời gian mỗi đội làm một mình sửa xong đoạn đường đó.
- Bài 10. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 82 m. Chiều dài hơn chiều rộng 11 m. Tính diện tích khu vườn đó.
- Bài 11. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 34 m. Nếu tăng chiều dài thêm 3 m và tăng chiều rộng thêm 2 m thì diện tích mảnh vườn tăng thêm 45 m^2 . Hãy tính chiều dài, chiều rộng của mảnh vườn?
- Bài 12. Tính chu vi của một hình chữ nhật, biết rằng nếu tăng mỗi chiều của hình chữ nhật lên thêm 4 m thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 80 m^2 . Nếu giảm chiều rộng đi 2 m và tăng chiều dài 5 m thì diện tích hình chữ nhật bằng diện tích hình chữ nhật ban đầu.
- Bài 13. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài lớn hơn chiều rộng 5 m. Nếu giảm chiều rộng đi 4 m và giảm chiều dài đi 5 m thì diện tích mảnh đất giảm đi 180 m^2 . Tính chiều dài và chiều rộng của mảnh đất.
- Bài 14. Hai vòi nước cùng chảy vào một bể không có nước và chảy đầy bể trong 4 giờ 48 phút. Nếu chảy riêng thì vòi thứ nhất có thể chảy đầy bể nhanh hơn vòi thứ hai 4 giờ. Hỏi nếu chảy riêng thì mỗi vòi sẽ chảy đầy bể trong bao lâu.
- Bài 15. Để chuẩn bị trao thưởng cho học sinh giỏi cuối năm học, trường THCS X cần mua 2000 quyển vở và 400 cây bút để làm phần thưởng. Nhà trường dự tính để mua với giá niêm yết sẽ cần 18 triệu 8400 nghìn đồng. Vì mua với số lượng lớn nên đại lý bán quyết định giảm giá 5% cho mỗi quyển vở và 6% cho mỗi cây bút, vì thế nhà trường chỉ cần trả 17 triệu 456 nghìn đồng. Tính giá tiền niêm yết của mỗi quyển vở và mỗi cây bút.
- Bài 16. Cô Linh chia số tiền 500 triệu đồng của mình cho hai khoản đầu tư. Sau một năm, tổng số tiền lãi thu được là 28 triệu đồng. Lãi suất cho khoản đầu tư thứ nhất là 5% /năm và khoản đầu tư thứ hai là 6% /năm. Tính số tiền cô Linh đầu tư cho mỗi khoản.
- Bài 17. Nhân dịp tết nguyên đán, siêu thị điện máy đã giảm giá nhiều mặt hàng để kích cầu mua sắm. Giá niêm yết của một chiếc tivi và một chiếc máy giặt có tổng số tiền là 28,5 triệu đồng. Tuy nhiên, trong đợt này giá một chiếc tivi được giảm 20% so với giá niêm yết và giá một chiếc máy giặt được giảm 25% so với giá niêm yết. Vì thế bác Hà đến siêu thị điện máy mua một chiếc tivi và một chiếc máy giặt trên với tổng số tiền là 22 triệu đồng. Hỏi giá niêm yết của mỗi mặt hàng trên là bao nhiêu?

Bài 18. Lớp 9A có nhu cầu tổ chức đi học tập trải nghiệm vào dịp cuối năm, do vậy cần thuê một hướng dẫn viên du lịch cho chuyến đi trải nghiệm này. Có hai công ty du lịch A và B được liên hệ để lấy thông tin về giá:

- Công ty A có phí dịch vụ ban đầu là 500 000 đồng cộng với 3 000 đồng cho mỗi ki lô mét (km) hướng dẫn.
- Công ty B có phí dịch vụ ban đầu là 400 000 đồng cộng với 3 500 đồng cho mỗi ki lô mét (km) hướng dẫn.

Phí dịch vụ của cả hai công ty chỉ tính cho chiều đi (chiều về không tính phí).

- a) Lớp 9A nên chọn công ty nào để thuê hướng dẫn viên biết rằng quãng đường cho chuyến đi theo một chiều là 360km.
- b) Khoảng cách giữa điểm đi và điểm đến cần thỏa mãn điều kiện gì để việc chọn công ty B có lợi hơn.

HÌNH HỌC

Bài 1: Cho (O) đường kính $AB = 10\text{cm}$. Lấy C thuộc (O) sao cho $AC = 8\text{cm}$. Kẻ $CH \perp AB$ tại H

- a) Tính CH , \widehat{BAC} (làm tròn đến độ).
- b) Tiếp tuyến tại B và C của (O) cắt nhau tại D . CMR: $OD \perp BC$
- c) Tiếp tuyến tại A của (O) cắt BC tại E . CMR: $CE \cdot CB = AH \cdot AB$
- d) Gọi I là trung điểm CH . Tia BI cắt AE tại F . CMR: FC là tiếp tuyến của (O)

Bài 2: Cho nửa đường tròn tâm O đường kính AB . Kẻ các tiếp tuyến Ax và By cùng phía với nửa đường tròn đối với AB . Lấy điểm C bất kỳ trên nửa đường tròn đó. Tiếp tuyến của nửa đường tròn tại C cắt Ax , By lần lượt ở M và N .

- a) Chứng minh 4 điểm O , A , M , C cùng thuộc một đường tròn.
- b) CMR: $\triangle OMN$ vuông.
- c) Gọi E là giao điểm của OM và AC , F là giao điểm của ON và BC : CMR: $OE \cdot OM = OF \cdot ON$
- d) Gọi giao điểm của MB và AN là K . CK cắt AB tại H . Chứng minh: K là trung điểm của CH .

Bài 3: Cho đường tròn (O,R) đường kính AB . Vẽ tiếp tuyến Bx của (O). Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ AB có chứa Bx , lấy điểm M thuộc (O) (M khác A và B) sao cho $MA > MB$. Tia AM cắt Bx tại C . Từ C kẻ tiếp tuyến thứ hai CD với (O) (D là tiếp điểm).

- a) Chứng minh bốn điểm O , B , C , D cùng thuộc một đường tròn.
- b) Chứng minh $OC \perp BD$.
- c) Chứng minh $CM = CD$
- d) Kẻ MH vuông góc với AB tại H . Tìm vị trí của M để chu vi tam giác OMH đạt giá trị lớn nhất.

Bài 4: Từ điểm M ở ngoài (O) kẻ 2 tiếp tuyến MA , MB (A , B là tiếp điểm). Kẻ đường kính AC

- a) Chứng minh rằng $BC \parallel OM$.
- b) Tiếp tuyến tại C của (O) cắt tia AB tại E . CMR: $AB \cdot AE = 4R^2$.
- c) Gọi giao điểm của OM với (O) là I . CM: I là tâm đường tròn nội tiếp $\triangle MAB$.
- d) Chứng minh rằng: $CM \perp OE$.

Bài 5: Cho nửa đường tròn tâm O , đường kính $AB = 2R$. Vẽ hai tiếp tuyến Ax và By với nửa đường tròn đó. Trên Ax lấy điểm M sao cho $AM > R$. Từ M kẻ tiếp tuyến MC với nửa đường tròn (O) (C là tiếp điểm). Tia MC cắt tia By tại D .

- Chứng minh $MD = MA + BD$.
- Chứng minh $\triangle OMD$ vuông.
- Cho $AM = 2R$. Tính BD và chu vi tứ giác $ABDM$.
- Tia AC cắt tia By tại K . Chứng minh $OK \perp BM$.

Bài 6: Cho đường tròn ($O; R$), d là tiếp tuyến của đường tròn tại điểm B . Điểm A di động trên d , vẽ tiếp tuyến AC với đường tròn (O) (C là tiếp điểm). AO cắt BC tại D .

- Chứng minh: 4 điểm A, B, O, C cùng thuộc 1 đường tròn.
- Chứng minh: $OA \cdot OD = R^2$.
- Vẽ đường kính BE của (O). AE cắt đường tròn tại điểm thứ hai là I . Gọi H là trung điểm của EI . Đường thẳng OH cắt đường thẳng BC tại M . Chứng minh: $OH \cdot OM$ không đổi khi A di chuyển trên d .
- Chứng minh: ME là tiếp tuyến của (O) và đường thẳng AC đi qua trung điểm ME .

MÔN: TIN

1) Cấu trúc kiểm tra:

- Hình thức: Trắc nghiệm (20 câu gồm đủ các dạng: Đúng/ Sai, nhiều lựa chọn, câu trả lời ngắn) và Tự luận.
- Thời gian làm bài: 45 phút

2) Câu hỏi ôn tập: Các dạng câu hỏi sau:

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tích cực khi sử dụng thư điện tử?

- Giảm bớt sự phụ thuộc vào không gian và thời gian.
- Dễ dàng tiếp cận thông tin.
- Chứa nhiều nội dung thông tin trong một lần gửi.
- Thông tin được bảo mật.

Câu 2: Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng.
- Chẩn đoán bệnh.
- Điều khiển ô tô tự động lái.
- Dự báo thời tiết.

Câu 3: Phương án nào sau đây **không** phải là ứng dụng của máy tính trong giải trí?

- Nghe nhạc.
- Xem phim.
- Đọc truyện.
- Nấu ăn.

Câu 4: Máy tính **không** có khả năng nào sau đây?

- Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.
- Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn.
- Cảm thụ văn học.
- Tính toán nhanh.

Câu 5: Công nghệ thông tin tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- Tạo ra thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.
- Rác thải từ những sản phẩm công nghệ lỗi thời.
- Tăng nguy cơ thất nghiệp.
- Bạo lực mạng.

Câu 6: Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khỏe thể chất của con người là

- cần trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.

C. cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.

D. dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khoá, ...

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Internet là một kho thông tin khổng lồ.

B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.

C. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở thành hữu ích.

D. Em có thể tìm thấy nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 8: Nguồn thông tin nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

A. Ý kiến của người thân.

B. Các loại sách tham khảo phổ biến trên thị trường.

C. Những chia sẻ cá nhân trên Internet.

D. Sách giáo khoa do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.

Câu 9: Khi em thấy một quảng cáo trên YouTube, em sẽ ứng xử như thế nào?

A. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.

B. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.

C. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.

D. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.

Câu 10: Tiêu chí nào sau đây **không** được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

A. Tính sử dụng được.

B. Tính hấp dẫn.

C. Tính cập nhật.

D. Tính đầy đủ.

Câu 11: Nguồn thông tin đáng tin cậy để tìm hiểu thông tin về kì thi tuyển sinh lớp 10 là

A. mạng xã hội.

B. trang web của Bộ Thông tin và Truyền thông.

C. trang web của Sở Giáo dục và Đào tạo.

D. thông tin từ bạn bè.

Câu 12: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến quyền riêng tư như thế nào?

A. Gây mất ngủ.

B. Ít giao tiếp.

C. Thông tin cá nhân có thể bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp.

D. Gây nghiện Internet.

Câu 13: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

A. Nguy cơ thất nghiệp tăng.

B. Tồn hại thị lực.

C. Giúp tiết kiệm thời gian di chuyển.

D. Tạo ra rác thải điện tử.

Câu 14: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khoẻ thể chất của con người như thế nào?

A. Gây ra bệnh khô mắt và giảm thị lực.

B. Những mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng.

C. Dễ có những cảm xúc tiêu cực.

D. Cổ xuý lối sống thiếu đạo đức.

Câu 15: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khoẻ tinh thần của con người như thế nào?

A. Gây ra các vấn đề về cột sống.

B. Suy giảm sự sáng tạo.

C. Thách thức về an ninh dữ liệu.

D. Nguy cơ trầm cảm và lo lắng.

Câu 16: Việc lộ thông tin cá nhân trên Internet dẫn đến hậu quả gì?

A. Giảm kết nối, tương tác trực tiếp giữa người với người.

B. Tài khoản bị mạo danh.

C. Thay đổi thói quen sinh hoạt.

D. Hình thành thói quen thích được chú ý.

- Câu 17:** Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đối với con người?
- Hạn chế hoặc tái sử dụng túi ni lông và vật dụng làm từ nhựa.
 - Ăn uống lành mạnh.
 - Dành nhiều thời gian để sinh hoạt chung với gia đình, chơi thể thao,...
 - Nằm khi dùng điện thoại.
- Câu 18:** Phương án nào sau đây là ứng dụng hỗ trợ và phổ biến tệ nạn trên mạng?
- Internet Banking.
 - Mua sắm trực tuyến.
 - Học online.
 - Tổ chức đánh bạc trực tuyến.
- Câu 19:** Hành vi nào sau đây là thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?
- Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.
 - Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
 - Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
 - Sử dụng dữ liệu của người khác mà không xin phép.
- Câu 20:** Phần mềm mô phỏng pha màu trực tuyến là
- <https://mixcolors.com>.
 - <https://simulatecolors.com>.
 - <https://colors.com>.
 - <https://trycolors.com>.
- Câu 21:** Hệ màu CMYK bao gồm những màu nào?
- Xanh lục, hồng sẫm, vàng, đen.
 - Xanh lơ, đỏ, vàng, đen.
 - Xanh lơ, hồng sẫm, vàng, đen.
 - Xanh lam, hồng nhạt, đỏ, đen.
- Câu 22:** Phần mềm trực tuyến <https://physics.weber.edu/schroeder/md> giúp em làm gì?
- Chạy thử thuật toán dạng sơ đồ khối trước khi cài đặt trong ngôn ngữ lập trình.
 - Mô phỏng thí nghiệm vật lí.
 - Nghiên cứu và xây dựng các giải pháp giao thông nhằm giảm bớt hiện tượng tắc nghẽn giao thông trong các thành phố.
 - Nghiên cứu chuyển động và tương tác giữa các phân tử trong những điều kiện khác nhau.
- Câu 23:** Phát biểu nào sau đây **đúng**?
- Các phần mềm mô phỏng có chất lượng giống nhau.
 - Phần mềm mô phỏng giúp người sử dụng nghiên cứu những nội dung thực hành một cách trực quan, sinh động bằng cách tương tác với phần mềm.
 - Phần mềm mô phỏng thể hiện trực quan sự vận động của một đối tượng, cho phép người dùng tương tác và tìm hiểu cách thức hoạt động của đối tượng đó.
 - Hệ màu RYB bao gồm màu đỏ, vàng, lục.
- Câu 24:** Phần mềm trực tuyến <https://phet.colorado.edu> **không** có các mô phỏng về chủ đề nào?
- Vật lí.
 - Khoa học Trái Đất.
 - Địa lí.
 - Hoá học.
- Câu 25:** Cách dễ dàng nhất để hợp tác và trao đổi thông tin là
- chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để các thành viên khác xem.
 - chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để cộng tác theo thời gian thực.
 - chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để các thành viên khác chủ động cập nhật.
 - sử dụng sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để trình bày trực tiếp.
- Câu 26:** Em có thể tạo bài trình chiếu để trình bày thông tin bằng phần mềm nào?
- Microsoft Word.
 - Microsoft Outlook.
 - Microsoft PowerPoint.
 - Microsoft OneNote.
- Câu 27:** Em có thể chia sẻ thông tin bằng

- A. Sơ đồ thuật toán. B. Sơ đồ tư duy. C. Sơ đồ khối. D. Sơ đồ mạch điện.

Câu 28: Nếu trình bày tiến trình lịch sử thì loại sơ đồ nào sẽ phát huy hiệu quả?

- A. Sơ đồ dòng thời gian. B. Sơ đồ quy trình.
C. Sơ đồ vòng đời. D. Sơ đồ luồng dữ liệu.

Câu 29: Khi tạo sơ đồ tư duy về CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945), em nên đính kèm loại dữ liệu nào ở nhánh *Nguyên nhân dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai*?

- A. Hình ảnh. B. Video. C. Văn bản. D. Trang tính.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Sơ đồ tư duy nên được trình bày trong một trang.
B. Để sử dụng hình ảnh, biểu đồ và video hợp lí trong trình bày thông tin, em cần chú ý đảm bảo chất lượng dữ liệu.
C. Khi chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để cộng tác theo thời gian thực, việc mở một kênh hội thoại để các thành viên trao đổi trong quá trình hoàn thiện sản phẩm là rất cần thiết.
D. Em không thể đính kèm trang tính vào sơ đồ tư duy.

Câu 31: Em hãy tìm hiểu trên Internet và cho biết phương án nào sau đây là phần mềm tạo sơ đồ tư duy?

- A. Rhino. B. Audacity. C. Yandex. D. Freeplane.

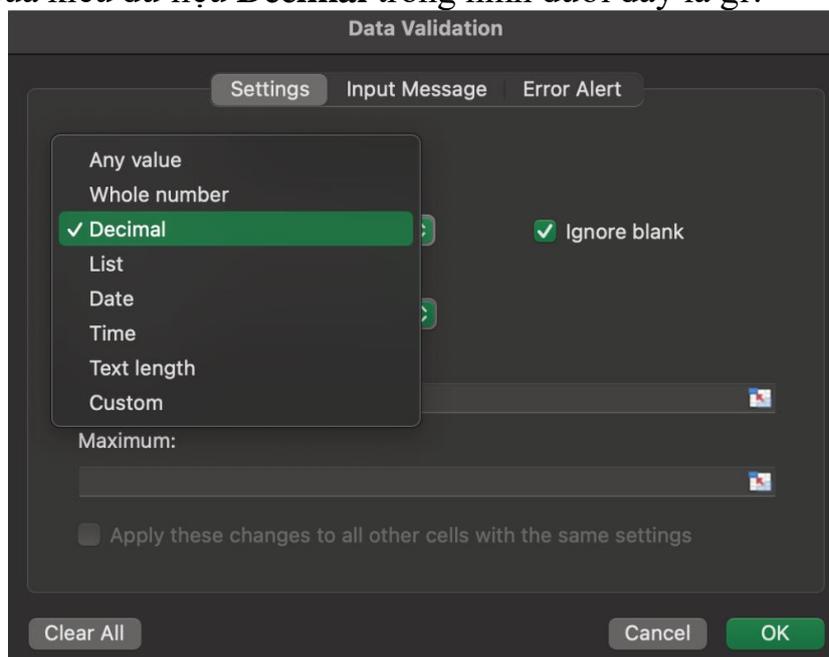
Câu 32: Ưu điểm nổi bật của phần mềm bảng tính là gì?

- A. Tự động xác thực dữ liệu. B. Tự động phân tích dữ liệu.
C. Tự động lưu trữ dữ liệu. D. Tự động xử lí dữ liệu.

Câu 33: Công cụ **xác thực dữ liệu** có chức năng năng gì?

- A. Kiểm tra độ chính xác của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
B. Hạn chế loại dữ liệu hoặc giá trị của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
C. Xác thực danh tính người sử dụng phần mềm.
D. Loại bỏ dữ liệu sai khỏi bảng tính.

Câu 34: Ý nghĩa của kiểu dữ liệu **Decimal** trong hình dưới đây là gì?



- A. Số nguyên – ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên.

- B. Ngày tháng – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu ngày tháng.
- C. Số thập phân – ô tính chỉ chấp nhận các số thập phân.
- D. Thời gian – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu thời gian.

Câu 35: Ý nghĩa của **Custom** trong hình ở câu 2 là gì?

- A. Bất kì giá trị nào.
- B. Tùy chỉnh – cho công thức tùy chỉnh.
- C. Độ dài văn bản – hạn chế độ dài của văn bản nhập vào ô tính.
- D. Danh sách – chọn dữ liệu từ danh sách thả xuống.

Câu 36: Để giải quyết bài toán **Quản lí tài chính gia đình**, em nên sử dụng phần mềm nào?

- A. Phần mềm bảng tính.
- B. Phần mềm soạn thảo văn bản.
- C. Phần mềm máy tính.
- D. Phần mềm tạo bài trình chiếu.

Câu 37: Tệp bảng tính có phần mở rộng là gì?

- A. .docx.
- B. .pptx.
- C. .xml.
- D. .xlsx.

Câu 38: Dữ liệu nhập vào cột **Khoản chi** trong hình dưới đây cần thuộc kiểu dữ liệu nào?

	A	B	C	D	E	F
1	Chi tiêu					Khoản chi
2	Ngày	Khoản chi	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)		Ở
3						Ăn
4						Di chuyển
5						Học tập
6						Sức khỏe
7						Giải trí
8						Quà tặng/Từ thiện
9						Tiết kiệm
10						Khác

- A. Whole number.
- B. Any value.
- C. List.
- D. Text length.

Câu 39: Dữ liệu nhập vào cột **Số tiền (nghìn đồng)** trong hình dưới đây cần thuộc kiểu dữ liệu nào và cần điều kiện gì?

	A	B	C	D	E	F
1	Chi tiêu					Khoản chi
2	Ngày	Khoản chi	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)		Ở
3						Ăn
4						Di chuyển
5						Học tập
6						Sức khỏe
7						Giải trí
8						Quà tặng/Từ thiện
9						Tiết kiệm
10						Khác

- A. Whole number > 0.
- B. Decimal > 0.
- C. Any value và không có điều kiện.
- D. Custom và không có điều kiện.

Câu 40: Để nhập nội dung thông báo lỗi khi nhập dữ liệu, em thực hiện như thế nào?

- A. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Error Message.
- B. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Input Message.

C. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Error Alert.

D. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Input Error.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Liệt kê các tiêu chí để đánh giá chất lượng thông tin?

Câu 2: Em hãy liệt kê một số cách giúp em tránh được các tác động tiêu cực khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số?

Câu 3: Nêu lợi ích của phần mềm mô phỏng?

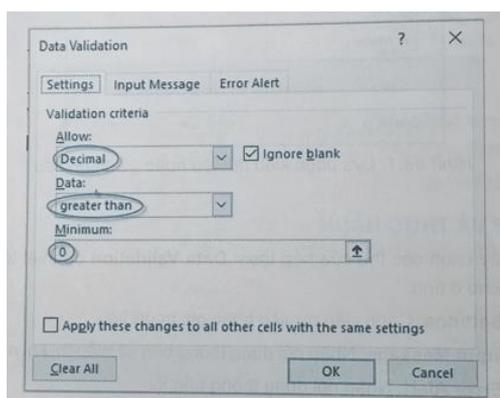
Câu 4: Em hãy liệt kê các cách có thể sử dụng bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác?

Câu 5: Em hãy nêu mục đích của việc sử dụng công cụ xác thực dữ liệu?

Câu 6: Em hãy cho biết tác hại của việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều. Nếu đó là người thân của em thì em sẽ khuyên như thế nào?

Câu 7: Bạn Chiến khoe với em bạn làm bài tập bằng cách sử dụng trí tuệ nhân tạo nên rất nhanh. Quan điểm của em về việc này như thế nào?

Câu 8: Hình dưới đây là thông tin xác thực dữ liệu đối với cột Số tiền trong bảng tính lưu thông tin chi tiêu của gia đình. Khi đó, dữ liệu nhập vào các ô của cột Số tiền cần thỏa mãn điều kiện gì?



MÔN: KHTN

PHẦN I: LÝ THUYẾT

Phạm vi ôn tập: Bài 1-12, 18 - 21, 36-42

1. Nhận biết một số dụng cụ, hóa chất. Thuyết trình một vấn đề khoa học
2. Năng lượng cơ học.
3. Ánh sáng.
4. Điện trở. Định luật Ohm. Đoạn mạch nối tiếp, song song.
5. Kim loại. Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.
6. Dây hoạt động hóa học.
7. Di truyền học Mendel. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền.
8. Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể.

PHẦN II. BÀI TẬP

Các dạng bài tập minh họa:

I. Trắc nghiệm

Dạng 1 : Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng về gang và thép?

- A. Gang và thép đều là vật liệu kim loại tạo bởi kim loại cơ bản là sắt.
- B. Gang được sử dụng phổ biến hơn thép.
- C. Hàm lượng carbon trong thép nhỏ hơn hàm lượng carbon trong gang.
- D. Gang và thép cứng hơn kim loại sắt.

Câu 2 . Phát biểu nào sau đây về quá trình tách kim loại là đúng?

- A. Là quá trình biến đổi khoáng vật trong quặng thành một hợp chất của kim loại. Sau đó, dùng các phương pháp hóa học để tách được kim loại từ hợp chất đó.
- B. Là quá trình dùng các phản ứng hóa học để tách được kim loại từ hợp chất của kim loại.
- C. Sử dụng quá trình biến đổi vật lý để thu được hợp chất của kim loại từ khoáng vật. Sau đó dùng các phản ứng hóa học để tách được kim loại từ hợp chất của kim loại.
- D. Là quá trình sử dụng phương pháp điện phân hoặc phương pháp nhiệt luyện hay phương pháp thủy luyện để tách được kim loại từ hợp chất của kim loại.

Câu 3: Kim loại nào sau đây điều chế được bằng phương pháp thủy luyện?

- A. Ag.
- B. Na.
- C. Ca.
- D. Mg.

Câu 4: Hàm lượng carbon trong thép chiếm:

- A. Trên 2%.
- B. Dưới 2%.
- C. Từ 2% đến 5%.
- D. Trên 5%.

Câu 5. Trong hợp kim đuy-ra, nguyên tố chiếm hàm lượng cao nhất là

- A. Mg.
- B. Al.
- C. Mn.
- D. Cu.

Câu 6. Nối các dạng thù hình của carbon với ứng dụng phù hợp

1. Kim cương	a. Điện cực
2. Carbon vô định hình	b. Mũi khoan
3. Than chì	c. Mặt nạ phòng độc

- A. 1-b 2-c 3-a
- B. 1-a 2-b 3-c
- C. 1-c 2-a 3-b
- D. 1-c 2-a 3-b

Câu 7. Cho các dữ kiện sau:

- Khí X rất độc, không cháy, hoà tan trong nước, nặng hơn không khí và có tính tẩy màu.
- Khí Y rất độc, cháy trong không khí với ngọn lửa màu xanh sinh ra chất khí làm đục nước vôi trong.
- Khí Z không cháy, nặng hơn không khí, làm đục nước vôi trong.

X, Y, Z lần lượt là

- A. Cl₂, SO₂, CO₂.
- B. SO₂, H₂, CO₂.
- C. Cl₂, CO, CO₂.
- D. H₂, CO, SO₂.

Câu 8. Thành phần chính của nước Javel có chứa phi kim nào sau đây?

- A. Carbon
- B. Lưu huỳnh
- C. Chlorine
- D. Bromine

Câu 9. Trong thí nghiệm dùng chất chỉ thị tự nhiên từ hoa đậu biếc, khi nhỏ nước xà phòng vào, hiện tượng nào sau đây xảy ra?

- A. Nước đổi sang màu hồng
- B. Không có sự đổi màu
- C. Nước đổi sang màu xanh thẫm
- D. Nước chuyển sang màu tím

Câu 10. Chất nào dưới đây thường được sử dụng để làm tăng độ pH trong đất?

- A. Vôi sống (CaO)
- B. Glucose (C₆H₁₂O₆)
- C. Đá vôi (CaCO₃)
- D. Saccharose (C₁₂H₂₂O₁₁)

Câu 11. Ở đậu hà lan, tiến hành lai giữa các cá thể thuần chủng hạt trơn với hạt nhăn.

Tính trạng trội là hạt trơn thì kiểu hình ở F_1 là:

- A. 100% hạt trơn.
- B. 100% hạt nhăn.
- C. 50% hạt trơn và 50% hạt nhăn.
- D. 3 hạt trơn : 1 hạt nhăn.

Câu 12. Quy luật phân li độc lập thực chất nói về

- A. sự phân li kiểu hình theo tỉ lệ 9:3:3:1.
- B. sự tổ hợp các allele trong quá trình thụ tinh.
- C. sự phân li độc lập của các tính trạng.
- D. Sự phân li độc lập của các cặp allele trong quá trình giảm phân.

Câu 13. Loại nucleotide có ở RNA và không có ở DNA là:

- A. Adenine.
- B. Thymine.
- C. Cytosine.
- D. Uracil.

Câu 14. Chức năng của tRNA là

- A. truyền thông tin về cấu trúc protein đến ribosome.
- B. vận chuyển amino acid cho quá trình tổng hợp protein.
- C. tham gia cấu tạo nhân của tế bào.
- D. tham gia cấu tạo màng tế bào.

Câu 15. Kết quả của quá trình tái bản DNA là

- A. phân tử DNA con được đổi mới so với DNA mẹ.
- B. phân tử DNA con giống DNA mẹ.
- C. phân tử DNA con dài hơn DNA mẹ.
- D. phân tử DNA con ngắn hơn DNA mẹ.

Câu 16. Đột biến gene là

- A. những biến đổi về số lượng gene trong cơ thể.
- B. những biến đổi trong cấu trúc của gene.
- C. những biến đổi trong cấu trúc protein.
- D. những biến đổi trong cấu trúc của RNA.

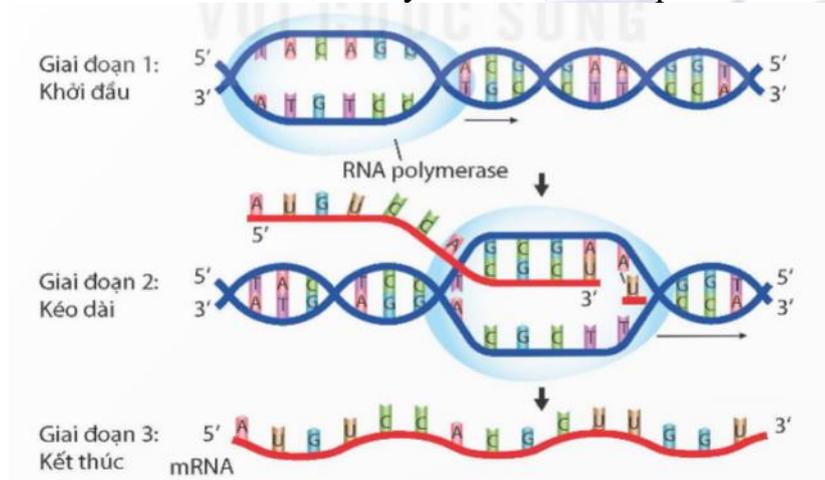
Câu 17. Có các đột biến gene sau đây

- (1) Thay thế một cặp nucleotide bằng một cặp nucleotide cùng loại.
- (2) Mất một cặp nucleotide.
- (3) Thêm một cặp nucleotide.
- (4) Thay thế một cặp nucleotide bằng một cặp nucleotide khác loại.

Những đột biến làm thay đổi kích thước (tổng số nucleotide) của gene sau đột biến là

- A. (1) và (2).
- B. (3) và (4).
- C. (1) và (4).
- D. (2) và (3).

Câu 18. Hình ảnh dưới đây minh họa cho quá trình nào?



- A. Tái bản DNA.

- B. Phiên mã.
- C. Dịch mã.
- D. Tổng hợp protein.

Câu 19. Mỗi loài sinh vật có bộ nhiễm sắc thể đặc trưng bởi

- A. số lượng, hình dạng, cấu trúc NST.
- B. số lượng, hình thái NST.
- C. số lượng, cấu trúc NST.
- D. số lượng không đổi.

Câu 20. Các codon nào dưới đây không mã hoá amino acid

- A. UAA, UAG, UGA.
- B. AAU, GAU, UAC.
- C. AUA, UAA, UGC.
- D. CUG, ACC, GUA.

Câu 21: Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào cơ năng của các vật bằng nhau ?
Chọn phương án đúng.

- A. Hai vật ở cùng một độ cao so với mặt đất
- B. Hai vật ở các độ cao khác nhau so với mặt đất
- C. Hai vật chuyển động với các vận tốc khác nhau
- D. Hai vật chuyển động cùng một vận tốc, cùng một độ cao và có cùng khối lượng

Câu 22. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào có sự chuyển hóa thế năng thành động năng ? Hãy chọn câu đúng nhất.

- A. Mũi tên được bắn đi từ cung
- B. Nước trên đập cao chảy xuống
- C. Hòn bi lăn từ đỉnh dốc xuống dưới
- D. Cả ba trường hợp trên thế năng chuyển hóa thành

Câu 23: Điều nào sau đây là sai khi nói về cơ năng?

- A. Cơ năng bằng tổng động năng và thế năng.
- B. Cơ năng của vật được bảo toàn khi vật chỉ chịu tác dụng của trọng lực hoặc lực đàn hồi.
- C. Cơ năng của vật có thể dương.
- D. Cơ năng của vật là đại lượng véc tơ.

Câu 24. Khi nhìn một hòn sỏi trong chậu nước, ta thấy hòn sỏi như được “nâng lên”.
Hiện tượng này liên quan đến

- A. sự truyền thẳng của ánh sáng.
- B. sự khúc xạ của ánh sáng.
- C. sự phản xạ của ánh sáng.
- D. khả năng quan sát của mắt người.

Câu 25. Một tia sáng truyền từ môi trường 1 sang môi trường 2 với góc tới và góc khúc xạ lần lượt là 45° và 30° . Kết luận nào dưới đây không đúng?

- A. Môi trường 2 chiết quang hơn môi trường 1.
- B. Phương của tia khúc xạ và phương của tia tới hợp nhau một góc 15° .
- C. Luôn có tia khúc xạ với mọi góc tới.
- D. Môi trường 1 chiết quang hơn môi trường 2.

Câu 26. Một vật sáng AB đặt vuông góc với trục chính của một thấu kính hội tụ và nằm ngoài khoảng tiêu cự sẽ cho ảnh

- A. ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.
- B. ảo, ngược chiều, lớn hơn vật.
- C. thật, ngược chiều, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn vật.
- D. thật, ngược chiều, lớn hơn vật.

Câu 27. Thấu kính hội tụ có đặc điểm biến đổi chùm tia tới song song thành

- A. chùm tia phản xạ.
- B. chùm tia ló hội tụ.
- C. chùm tia ló phân kì.
- D. chùm tia ló song song khác.

Câu 28. Di chuyển một ngọn nến dọc theo trục chính của một thấu kính phân kì rồi tìm ảnh của nó, ta sẽ thấy gì?

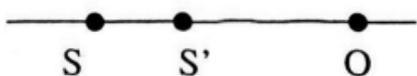
- A. Có lúc ta thu được ảnh thật, có lúc ta thu được ảnh ảo.
- B. Nếu đặt ngọn nến ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính ta sẽ thu được ảnh thật.
- C. Ta chỉ thu được ảnh ảo nếu đặt ngọn nến trong khoảng tiêu cự của thấu kính.
- D. Ta luôn luôn thu được ảnh ảo dù đặt ngọn nến ở bất kì vị trí nào.

Câu 29. Ảnh ảo của một vật được tạo bởi thấu kính hội tụ và được tạo bởi thấu kính phân kì giống nhau ở chỗ

- A. đều ngược chiều với vật.
- B. đều cùng chiều với vật.
- C. đều lớn hơn vật.
- D. đều nhỏ hơn vật.

Câu 30. Chọn câu trả lời **đúng**.

Một điểm sáng S đặt trên trục chính của một thấu kính, ta thu được ảnh S' như hình. O là quang tâm của thấu kính.



- A. Thấu kính trên là thấu kính hội tụ.
- B. Thấu kính trên là thấu kính phân kì.
- C. S' là ảnh thật.
- D. Cả A và C đều đúng.

Dạng 2 : Trắc nghiệm trả lời đúng – sai.

Câu 1: Các nhận định trong bảng sau đúng hay sai?

STT	Sản xuất gang và thép.	Đúng	Sai
1	Gang được sản xuất từ quặng hematite với thành phần chính là Fe ₂ O ₃ .		
2	Thép được sản xuất bằng cách giảm tạp chất từ gang.		
3	Quá trình sản xuất gang không liên quan đến việc sử dụng than cốc.		
4	Sản xuất thép đòi hỏi sử dụng khí oxygen.		

Câu 2: Các nhận định trong bảng sau đúng hay sai?

STT	Phi kim và kim loại có sự khác nhau cơ bản về tính chất vật lý và hóa học.	Đúng	Sai
1	Ở điều kiện thường, phi kim có thể tồn tại ở ba thể rắn, lỏng, khí, trong khi hầu hết các kim loại tồn tại ở thể rắn (trừ thủy ngân ở thể lỏng).		
2	Hầu hết các phi kim không dẫn điện, dẫn nhiệt kém, có nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi thấp, không có ánh kim.		
3	Trong phản ứng hóa học, các phi kim thường có xu hướng nhận electron để tạo thành ion âm, trong khi các kim loại có xu hướng cho electron để tạo thành ion dương.		
4	Kim loại phản ứng với oxygen tạo thành oxide acid, trong khi các phi kim phản ứng với oxygen thường tạo ra oxide base. Do đó, khi đốt cháy lưu huỳnh trong		

	oxygen, sản phẩm thu được là sulfur dioxide, một oxide acid.		
--	--	--	--

Câu 3: Các nhận định trong bảng sau đúng hay sai?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Các mạch đơn mới được tổng hợp trong quá trình tái bản của phân tử DNA hình thành theo chiều 5' đến 3'.		
2	Kết quả của quá trình tái bản DNA là phân tử DNA con được đổi mới so với DNA mẹ.		
3	Một mạch đơn của phân tử DNA có trình tự các nucleotide như sau:ATGCATGGCCGC.... Trong quá trình tái bản DNA mới được hình thành từ đoạn mạch này sẽ có trình tự ...TACGTACCGGCG....		
4	Đặc điểm chung của quá trình tái bản và quá trình phiên mã ở sinh vật nhân thực là đều được thực hiện theo nguyên tắc bổ sung.		

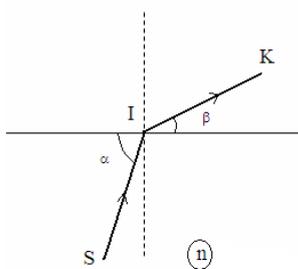
Câu 4:

STT	Đột biến gen	Đúng	Sai
1	Đột biến gene xảy ra rất thường xuyên.		
2	Bệnh bạch tạng được gây ra bởi đột biến gen trội thành gen lặn.		
3	Đột biến gene là những biến đổi về số lượng gene trong cơ thể.		
4	Dạng đột biến điểm làm dịch khung đọc mã di truyền là mất cặp A-T hoặc G-C.		

Câu 5. Một vật đặt trên đỉnh dốc có thể năng

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Thế năng của vật phụ thuộc vào độ cao của đỉnh dốc so với mặt đất.		
2. Nếu vật bắt đầu trượt xuống, thế năng sẽ chuyển hoá thành động năng.		
3. Thế năng của vật ở đỉnh dốc là nhỏ nhất		
4. Để tăng thế năng của vật, có thể đưa vật lên một độ cao lớn hơn so với vị trí hiện tại.		

Câu 6. Một tia sáng đi từ một chất lỏng trong suốt có chiết suất n chưa biết sang không khí với góc tới như hình vẽ. Cho biết $\alpha = 60^\circ$, $\beta = 30^\circ$.

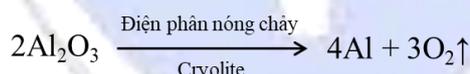


Phát biểu	Đúng	Sai
1. Góc tới và góc khúc xạ lần lượt là 30° và 60° .		
2. Chiết suất n của chất lỏng là 3.		
3. Khi góc $\alpha = 90^\circ$ thì tia sáng truyền thẳng.		
4. Góc α lớn nhất để tia sáng không thể ló sang môi trường không khí phía trên là 70° .		

Dạng 3: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1.

- a. Khử hoàn toàn một lượng Fe_3O_4 bằng H_2 dư, thu được chất rắn X và m gam H_2O . Hòa tan hết X trong dung dịch HCl dư, thu được 1,11555 lít khí H_2 (đkc). Tính giá trị của m
- b. Đốt cháy 12 gam magnesium trong khí chlorine thu được 19 gam magnesium chloride. Hiệu suất của phản ứng trên là h%. Tính giá trị của h
- c. Nung một hỗn hợp gồm 4,8 gam bột Magnesium và 3,2 gam bột sulfur trong một ống nghiệm đậy kín. Khối lượng chất rắn thu được sau phản ứng là x gam. Tính giá trị của x
- d. Trong công nghiệp, nhôm được sản xuất từ aluminium oxide (Al_2O_3) theo phương trình hoá học sau:



Một loại quặng bauxite có chứa 85% là Al_2O_3 . Khối lượng nhôm được tạo thành từ 2 tấn quặng bauxite là m kg, biết hiệu suất của quá trình sản xuất là 90%. Tính giá trị của m

Câu 2.

- a. Một gene có 120 chu kỳ xoắn và $A + T = 960$ nu. Tính số liên kết hydrogen của gene?
- b. Một DNA sau khi tán bản k lần tạo ra được 64 DNA con. Tính k?
- c. Ruồi giấm có bộ NST lưỡng bội kí hiệu $2n = 8$. Sau khi NST nhân đôi thì trong nhân tế bào sinh dưỡng của ruồi giấm chứa bao nhiêu phân tử DNA?
- d. Một DNA tái bản 3 lần. Số DNA con được tạo ra?

Câu 3: Một tia sáng đi từ không khí vào một khối chất có chiết suất $n = \sqrt{2}$ với góc tới $i = 45^\circ$. Coi tốc độ ánh sáng khi truyền trong không khí là $c = 2.10^8$ m/s

- a. Xác định chiết suất không khí?
- b. Tính tốc độ của ánh sáng khi truyền trong khối chất này.
- c. Tính góc khúc xạ
- d. Tính góc lệch D tạo bởi tia khúc xạ và tia tới.

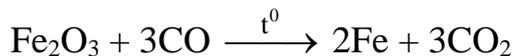
II. Tự Luận

Câu 1. Cho 13 gam Zinc tác dụng hết với sulfuric acid loãng.

Phương trình hóa học xảy ra: $Zn + H_2SO_4 \rightarrow ZnSO_4 + H_2$

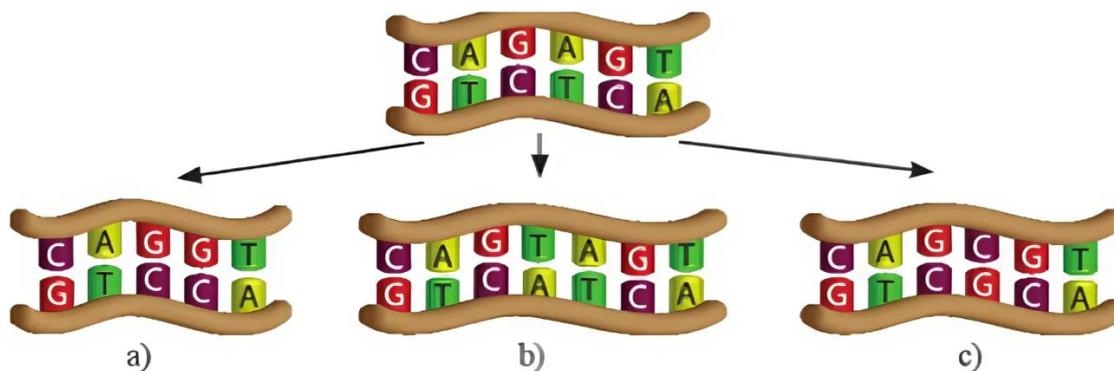
- a) Tính khối lượng zinc sulfate thu được sau phản ứng.
- b) Tính thể tích khí hydrogen thu được (ở đkc).
- c) Nếu dùng toàn bộ lượng khí hydrogen bay ra ở trên đem khử 12 gam bột CuO ở nhiệt độ cao, đến phản ứng hoàn toàn thu được m gam chất rắn X. Tính giá trị m.

Câu 2. Có quặng hematite chứa 60% Fe₂O₃ về khối lượng. Khi dùng m gam mẫu quặng này để điều chế sắt thì người ta thu được 3,36 gam sắt. Tính quặng sắt nói trên biết hiệu suất của quá trình điều chế là 80% , biết phương trình điều chế có dạng:



Câu 3.

a.



Xác định loại đột biến gen của các hình trên. Vì sao em nhận diện được dạng đột biến gen này. Dạng đột biến gen nào trong 3 loại trên thường gây ra hậu quả nghiêm trọng cho sinh vật. Vì sao?

b. Cho một đoạn DNA có trình tự nucleotide như sau:

Mạch 1: -A-A-G-T-C-G-C-G-A-T-A-G-C-C-

Mạch 2: -T-T-C-A-G-C-G-C-T-A-T-C-G-G-

Giả sử mạch 1 của DNA trên làm khuôn cho quá trình phiên mã, xác định trình tự nucleotide của mRNA được tổng hợp. Trình tự nucleotide của mRNA được tổng hợp giống với trình tự nucleotide trên mạch nào của DNA trên?

c. Một gene của vi khuẩn Ecoli có tỷ lệ A/G=2/3 đã tổng hợp 1 chuỗi polypeptide hoàn chỉnh gồm 498 amino acid. Một đột biến xảy ra ở gen này không làm thay đổi số nucleotide của gene. Gene sau khi đột biến có tỷ lệ A/G = 66,48%. Dạng đột biến gene và số cặp nucleotide liên quan là gì?

d. Một gene có 480 adenine và 3120 liên kết hydrogen. Gene đó có số lượng nucleotide là bao nhiêu?

Câu 4. Dùng kính lúp có tiêu cự 5cm, vật đặt cách kính 4,5cm.

- a. Tính số bội giác của kính lúp?
- b. Vẽ hình, xác định vị trí, tính chất ảnh tạo bởi kính lúp?

Câu 5. Đặt một vật cách thấu kính hội tụ có tiêu cự 4cm một khoảng d

- Vẽ hình và tính khoảng cách từ ảnh đến thấu kính trong trường hợp $d = 6\text{cm}$.
- Vẽ hình và tính khoảng cách từ ảnh đến thấu kính trong trường hợp $d = 3\text{cm}$.
- Xác định chiều cao của ảnh trong trường hợp $d = 6\text{cm}$, biết chiều cao của vật là 5cm .

MÔN: NGỮ VĂN

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Nội dung ôn tập

- Bài 1: Thơ và thơ song thất lục bát
- Bài 2: Truyện thơ Nôm
- Bài 3: Văn bản nghị luận văn học
- Chú ý: phạm vi ngữ liệu là văn bản ngoài SGK

2. Yêu cầu

- Thơ và thơ song thất lục bát:

- + Nhận biết được đặc trưng thể loại (số dòng, số tiếng, vần và nhịp)
- + Xác định đề tài, chủ đề của văn bản
- + Lý giải, phân tích, cảm nhận được giá trị của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật,.... trong văn bản.

- Truyện thơ Nôm:

- + Nhận biết được đặc trưng thể loại (sự kết hợp của yếu tố tự sự và trữ tình: cốt truyện, nhân vật,...)
- + Xác định đề tài, chủ đề của văn bản
- + Lý giải, phân tích, cảm nhận được giá trị của của các yếu tố trong văn bản: chi tiết, nhân vật, biện pháp nghệ thuật,...

- Nghị luận văn học:

- + Nhận biết đặc trưng thể loại: Có luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. Văn bản thể hiện rõ quan điểm, cách đánh giá của người viết với về một tác phẩm văn học.

- Truyện hiện đại

- + Nhận biết được nội dung, chủ đề của truyện, đặc điểm nhân vật, nghệ thuật xây dựng truyện

II. PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

1. Nội dung ôn tập

- Hình thức lời thoại: đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.
- Các phép tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, nói giảm nói tránh,...
- Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp
- Các kiến thức tiếng Việt đã được học.

2. Yêu cầu

- Nhận biết, lý giải và phân tích vai trò, tác dụng của kiến thức Tiếng Việt trong văn bản.

III. VIẾT

- Viết đoạn văn nghị luận văn học: phân tích đoạn thơ; phân tích truyện (nội dung, nghệ thuật- dung lượng 200 chữ)

- Viết bài văn nghị luận xã hội khoảng 400 chữ.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Đọc văn bản:

Lần đầu gió mát trăng thanh,
 Bồng đầu có khách biên đình⁽¹⁾ sang
 chơi.
 Râu hùm, hàm én, mày ngài,
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước
 cao.
 Đường đường một đấng anh hào,
 Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
 Đội trời đạp đất ở đời,
 Họ Từ tên Hải, vốn người Việt đông.
 Giang hồ quen thú vẫy vùng,
 Gươm đàn nửa gánh, non sông một
 chèo.
 Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
 Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
 Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
 Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa.
 Từ rằng: Tâm phúc tương cờ⁽²⁾,
 Phải người trăng gió vật vờ hay sao?
 Bấy lâu nghe tiếng má đào,
 Mắt xanh⁽³⁾ chẳng để ai vào có không?
 Một đời được mấy anh hùng,
 Bỏ chi cá chậu chim lồng⁽⁴⁾ mà chơi!

Nàng rằng: Người dạy quá lời,
 Thân này còn dám xem ai làm thường!
 Chút riêng chọn đá thử vàng,
 Biết đâu mà gởi can trường vào đâu?
 Còn như vào trước ra sau,
 Ai cho kén chọn vàng thau tại mình!
 Từ rằng: Lời nói hữu tình,
 Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên
 Quân.
 Lại đây xem lại cho gần,
 Phỏng tin được một vài phần hay không?
 Thưa rằng: Lượng cả bao dong,
 Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.
 Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
 Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau!
 Nghe lời vừa ý gật đầu,
 Cười rằng: Tri kỉ trước sau mấy người?
 Khen cho con mắt tinh đời,
 Anh hùng đoán giữa trần ai⁽⁵⁾ mới già!
 Một lời đã biết đến ta,
 Muôn chung nghìn tứ⁽⁶⁾ cũng là có nhau!

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1991)

Vị trí đoạn trích: Trốn khỏi tay Hoạn Thư, Kiều lại rơi vào tay Bạc Bà, Bạc Hạnh. Lần thứ hai Kiều bị đẩy vào chốn thanh lâu. Ít lâu sau Kiều may mắn gặp Từ Hải.

⁽¹⁾ *Biên đình*: Nơi biên ải xa xôi

⁽²⁾ *Tâm phúc tương cờ*: Tương cờ tức tương kỳ, lòng dạ hứa hẹn với nhau. Từ Hải muốn cùng Kiều kết thành đôi lứa tri kỷ chứ không phải là tình yêu đương trăng gió tạm bợ.

⁽³⁾ *Mắt xanh*: Nguyên Tịch đời Tấn trọng ai thì nhìn bằng con mắt xanh, khinh ai thì nhìn bằng con mắt trắng. Câu này ý nói Từ Hải hỏi Kiều, ở chốn lầu xanh nàng chưa hề xem trọng ai có phải không?

⁽⁴⁾ *Cá chậu chim lồng*: Chỉ hạng người tầm thường, sống trong vòng giam hãm câu thúc.

⁽⁵⁾ *Trần ai*: Bụi bặm, chỉ lúc người anh hùng còn ẩn náu, chưa có danh gì để phân biệt với người thường.

⁽⁶⁾ *Nghìn tư*: Do chữ *thiên tư* (nghìn cỗ xe), chỉ cảnh giàu sang.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Nêu hoàn cảnh (thời gian, địa điểm) Từ Hải gặp Thúy Kiều.

Câu 2. Tìm những chi tiết miêu tả người anh hùng Từ Hải trong đoạn trích.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các câu thơ sau:

*Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.*

Câu 4. Anh/Chị có cảm nhận như thế nào về nhân vật Từ Hải?

Câu 5. Qua đoạn trích, hãy phát biểu quan niệm của Nguyễn Du về người anh hùng qua nhân vật Từ Hải.

Câu 6: Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, em hãy phân tích 8 câu thơ đầu của đoạn trích trên.

CHỦ ĐỀ 2. Câu 7: Nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của anh chị về những hành động nhỏ làm nên người anh hùng giữa đời thường.

Gợi ý:

1. Hoàn cảnh Từ Hải gặp gỡ Thúy Kiều:

- Thời gian: đêm trăng thanh
- Địa điểm: lầu hồng

2. Những chi tiết miêu tả người anh hùng Từ Hải trong đoạn trích là:

- Ngoại hình: râu hùm, hàm én, mày ngài, vai 5 tấc rộng, thân 10 thước cao.
- Tài năng: đấng anh hào, tài côn quyền, tài lược thao.
- Tên tuổi, quê quán: họ Từ tên Hải, người Việt đông

3. *Biện pháp tu từ đối: Các tiểu đối ở các vế của câu 8 chữ, nói quá

*Vai năm tấc rộng - thân mười thước cao.
Côn quyền hơn sức - lược thao gồm tài*

*Tác dụng:

- Góp phần tô đậm vẻ đẹp cả về vóc dáng, tướng mạo và tài năng hơn người của người anh hùng Từ Hải;
- Tạo nhịp điệu, tạo sự cân xứng, hài hòa cho lời thơ.

4. Qua đoạn trích, ta thấy nhân vật Từ Hải là người không chỉ có vẻ bề ngoài phi thường, mà còn là người giỏi võ công, có tài thao lược. Đặc biệt, ở Từ Hải có chí khí của một người anh hùng: chí lớn vẫy vùng trong thiên hạ.

5. Quan niệm của Nguyễn Du về người anh hùng qua nhân vật Từ Hải: Là người phi thường không chỉ ở vẻ bề ngoài, tướng mạo đặc biệt mà phải là người có tài năng, phẩm chất và chí khí hơn người.

6. Đoạn trích miêu tả vẻ đẹp của Từ Hải, người anh hùng đầu đội trời, chân đạp đất.

- + Hoàn cảnh Từ Hải xuất hiện : Làn sương gió mát, trăng thanh.
- + Hình dáng, tướng mạo của người khách ấy hiện lên thật đẹp về diện mạo “râu hùm, hàm én, mày ngài”, về tầm vóc “vai năm tấc rộng, thân mười thước cao”

+ Bản lĩnh “đường đường một đấng anh hào”.

+ Tài năng “côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài” và đặc biệt là phong độ:

Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

+ Có khí phách anh hùng, tài sức lớn lao: “Đội trời đạp đất ở đời”, sống ngang tàng, không để cho những cương tỏa của thói thường câu thúc sở nguyện cá nhân: "Giang hồ quen thói vẫy vùng - Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo"

NT: Bút pháp ước lệ được nhà thơ sử dụng để miêu tả Từ Hải nhưng tính công thức, khuôn sáo của nó đã bị phá vỡ, thay thế vào đó là khả năng gợi tả, gợi cảm rất lớn. => làm nổi bật lên vẻ ngoài uy dũng của một vị anh hùng tiếng tăm lẫy lừng như Từ Hải.

Câu 7:

1. Mở bài

Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: những hành động nhỏ làm nên người anh hùng giữa đời thường.

2. Thân bài

* Giải thích

- Anh hùng: những người có công giúp đỡ người khác, giúp đỡ quê hương, đất nước, khiến cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

- Người anh hùng giữa đời thường: những con người trong cuộc sống đời thường cố gắng làm cho xã hội này tốt đẹp hơn, biết giúp đỡ người khác, có ý thức xây dựng một cuộc sống, một cộng đồng lành mạnh, tốt đẹp, vững bền.

* Biểu hiện của người anh hùng giữa đời thường:

- Sẵn sàng giúp đỡ, sẻ chia với người khác trong mọi hoàn cảnh với một mục đích tốt đẹp.

- Tuyên truyền, cổ vũ, khuyến khích mọi người sống và làm theo những điều hay lẽ phải để những thông điệp tốt đẹp được truyền đi.

- Không nhỏ nhen, ích kỉ, không so đo, tính toán thiệt hơn.

* Ý nghĩa, giá trị của người anh hùng giữa đời thường:

- Làm cho con người và xã hội phát triển theo chiều hướng tích cực, đẩy lùi những tiêu cực trong cuộc sống.

- Khi mỗi con người sống có ích và trở thành “người anh hùng giữa đời thường” sẽ lan tỏa được nhiều thông điệp tích cực ra xã hội, được mọi người yêu quý, nể phục hơn.

Dẫn chứng: Học sinh lấy dẫn chứng về những người anh hùng giữa đời thường, sống có ích, không ngại khó ngại khổ giúp đỡ người khác,... làm minh chứng cho bài làm văn của mình.

* Ý kiến trái chiều- Phản đề

- Người anh hùng là phải làm điều lớn lao, phi thường=> quan điểm hoàn toàn sai.

- Người anh hùng là người những người làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, dù chỉ là những hành động rất đời thường.

- Bên cạnh đó vẫn còn có những người ích kỉ, sống thờ ơ, vô cảm, bàng quang với mọi thứ xung quanh, chỉ biết đến lợi ích của bản thân mình. Lại có những người luôn so đo, tính toán thiệt hơn với người khác,...

3. Kết bài

Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: người anh hùng giữa đời thường; rút ra bài học và liên hệ bản thân.

Bài tập 2:

Đọc văn bản sau:

*Dạo hiên vắng thềm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác¹ đòi phen.
Ngoài rèm thước² chẳng mách tin
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn³ kia với bóng người khá thương.
Gà eo óc gáy sương năm trống⁴,
Hòe⁵ phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.
Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại châu chan.
Sắt cầm⁶ gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên⁷ kinh đứt phím loan⁸ ngại chùng.*

(Theo *Những khúc ngâm chọn lọc*, NXB Giáo dục, 1994)

Chú thích:

- ¹ *Rủ*: buông xuống. *Thác*: cuộn lên. *Rủ thác đòi phen*: buông xuống cuộn lên nhiều lần.
- ² *Thước*: chim khách, được coi là loài chim báo tin lành – có khách đến, người đi xa trở về.
- ³ *Hoa đèn*: đầu bấc đèn dầu đã cháy thành than nhưng lại được ngọn lửa nung đỏ lên trông như hoa.
- ⁴ *Năm trống*: năm canh (một đêm có năm canh).
- ⁵ *Hòe*: cây hòe.
- ⁶ *Sắt cầm*: đàn cầm và đàn sắt gảy hòa âm với nhau, thường được dùng để ví cảnh vợ chồng hòa thuận. Gượng gảy đàn sắt đàn cầm vì người chinh phụ đang trong cảnh cô đơn.
- ⁷ *Dây uyên*: nguyên văn là “uyên ương huyền”- dây đàn uyên ương. Một giống chim, *uyên*: chim trống, *ương*: chim mái, thường đi với nhau. “Uyên ương” là biểu tượng cho đôi lứa gắn bó, hòa hợp. Ở đây ý nói sợ làm đứt dây đàn uyên ương vì có thể báo hiệu điều không may của tình cảm vợ chồng.
- ⁸ *Phím loan*: nguyên văn “loan phượng trụ” – phím đàn loan phượng. *Phượng*: chim trống, *loan*: chim mái. Loan phượng cũng là biểu tượng về lứa đôi gắn bó. Ở đây ý nói sợ dây đàn chùng là điềm gở, gọi nên sự không may mắn của lứa đôi đang xa nhau.

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra những từ láy trong đoạn trích trên.

Câu 3. Chỉ ra và nêu ý nghĩa của những yếu tố ngoại cảnh dùng để diễn tả tâm trạng của người chinh phụ.

Câu 4. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp được sử dụng trong những câu thơ sau:

Hương gương đốt hồn đà mê mải,
Gương gương soi lệ lại châu chan.

Sắt cầm gương gãy ngón đàn,

Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng

Câu 5. Qua đoạn trích, nhà thơ muốn gửi tới người đọc những thông điệp gì?

Câu 6: Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, em hãy phân tích 8 câu thơ đầu trong đoạn thơ trên.

Câu 7: Chiến tranh gây bao đau thương cho con người, em hãy trình bày suy nghĩ của tác hại của chiến tranh đối với nhân loại.

Gợi ý:

Câu 1: Thể thơ: song thất lục bát

Câu 2: Các từ láy có trong đoạn trích: *eo óc, phát phơ, đằng đẵng, dằng dặc.*

Câu 3: Tác giả đã dùng những yếu tố ngoại cảnh để diễn tả tâm trạng người chinh phụ:

- + hình ảnh ngọn đèn trong đêm
- + Tiếng gà gáy eo óc báo canh 5
- + Bóng cây hòe lay động theo chiều gió trong đêm.

- Ý nghĩa của các yếu tố ngoại cảnh:

+ Đặc tả không gian hoang vắng, tĩnh mịch; thời gian đêm khuya, qua đó làm nổi bật nỗi cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ khi thức trọn đêm dài vì nhớ thương, mong ngóng chồng đi chiến trận trở về.

+ Thể hiện nét đặc sắc trong bút pháp tả cảnh ngụ tình của nhà thơ.

Câu 4:

- Phép điệp trong bốn câu thơ: Phép điệp từ: *gương* (3 lần): gương đốt hương, gương soi gương, gương gãy đàn.

- Tác dụng:

+ Nhân mạnh sự miên cưỡng của người chinh phụ khi tìm đến những thú vui thường ngày để mong vơi bớt đi nỗi cô đơn nhớ chồng nhưng không có tác dụng. Trái lại, nỗi cô đơn, sầu nhớ càng thêm chồng chất; người chinh phụ càng rơi vào tuyệt vọng.

+ Tăng liên kết, tạo giọng điệu trầm buồn, da diết, khắc khoải cho đoạn thơ.

Câu 5: Thông điệp tác giả gửi gắm:

- Cần trân trọng cuộc sống hòa bình; biết lên án chiến tranh phi nghĩa gây ra bao đau thương cho con người.

- Mỗi chúng ta cần chia sẻ, trân trọng, biết ơn những hi sinh thầm lặng của người mẹ, người vợ trong cuộc sống...

- Biết đồng cảm với những tâm tình, sâu kín, những tiếng lòng cả mỗi người.

Câu 6: Bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, em hãy phân tích 8 câu thơ đầu đoạn thơ trên.

ND:

Trước tiên, 8 câu thơ đầu đã diễn tả nỗi cô đơn của người chinh phụ trong cảnh một mình một bóng.

+ Hành động: dạo hiên vắng, ngồi, buông rèm cuốn rèm. Những hành động lặp đi lặp lại không mục đích, vô nghĩa thể hiện tâm trạng rối bời, nhưng nhớ, cô đơn lẻ loi của người chinh phụ.

+ Ngoại cảnh: chim thước và đèn.

+ Chim thước là loài chim báo tin lành vậy mà ở đây người chinh phụ mong nó đến mà nó cứ im bất, chẳng có tin tức gì, khiến người chinh phụ càng thêm buồn.

+ Khi đối diện với ngọn đèn, người chinh phụ khát khao sự đồng cảm, chia sẻ. Nàng muốn giải bày tâm trạng, nàng tin rằng chỉ có đèn biết tâm sự của mình. Câu hỏi tu từ “Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?” đã thể hiện mong muốn sẻ chia. Nhưng ngay ở câu thơ sau nàng lại phủ nhận, đèn làm sao chia sẻ được tấm lòng này chỉ có một mình mình biết, một mình mình hay. Từ “bi thiết” cực tả cảm giác cô đơn và sự khát khao được đồng cảm của chinh phụ trong đêm vắng.

=> Như vậy, các yếu tố ngoại cảnh đã nói hộ cho nỗi lòng vò vố của chinh phụ ngóng chồng đi chinh chiến.

* NT tả cảnh ngụ tình, câu hỏi tu từ... diễn tả tâm trạng của chinh phụ.

Câu 7:

a. MB: Dẫn dắt vào đề, trích dẫn luận đề

b. TB:

- Giả thích chiến tranh là gì?: là hoạt động đấu tranh giữa các nước, các giai cấp, các lực lượng chính trị có lợi ích địa vị đối lập nhau nhằm đạt được lợi ích về kinh tế hay chính trị.

- Nguyên nhân : Có nhiều nguyên nhân dẫn đến chiến tranh nhưng chủ yếu là do xung đột quyền lợi về kinh tế và chính trị.

c. Hậu quả

* Con người:

- Thiệt hại về người, để lại những thương vong, di chứng về chiến tranh, nỗi đau người ở lại

* Của cải, vật chất:

- Ô nhiễm môi trường, thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng. Các công trình của văn minh nhân loại bị phá hủy. Nền kinh tế trở nên kiệt quệ

(dẫn chứng)

* Môi quan hệ quốc tế: Ngày một trở nên căng thẳng, ảnh hưởng đến nền hòa bình của toàn cầu.

d. Giải pháp : Chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình....

III. Kết bài

- Có thể thấy, chiến tranh thực sự là một từ ám ảnh và đáng sợ với toàn nhân loại.

- Mỗi con người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia hãy cùng đồng lòng chống lại chiến tranh, bảo vệ nền hòa bình của nhân loại.

Bài 3:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đây để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

*Thấy người trước cửa tam quan
Theo sau ba bảy con hoàn nhớn nhỏ*

Lạ lòng con mắt người thơ
 Hoa còn phong nhụy, trắng vừa tròn gương
 Rành rành xuyên ngọc thoa vàng
 Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà
 Mĩa chiều nét ngọc làn hoa
 Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời
 Gần xem vẻ mặt thêm tươi
 Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều
 Làn thu lóng lánh đưa theo
 Nào người nhả chút lông nheo cũng tình
 Vốn mang cái bệnh Trương sinh
 Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?
 Đưa tình một nét sóng đào
 Dầu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người
 Nhân duyên ví chẳng tự trời
 Từ lang chưa dễ lạc vờ non tiên.

(Trích *Bích Câu kỳ ngộ*, Thi Nham Đình Gia Thuyết đính chính và chú thích, *Cổ văn Việt Nam*, 1952)

Chú thích

Trương sinh : Trương Quân Thụy dan díu với nàng Thôi Oanh Oanh (Tây sương ký), ý nói kẻ si tình.

Từ lang: Từ Thức, người Tống Sơn, Thanh Hóa, đời nhà Trần làm tri huyện Tiên Du, đi xem hội mẫu đơn chùa Phật Tích (Bắc Ninh), gặp một nữ lang lỡ tay bẻ gãy cành hoa, bị nhà chùa giữ lại bắt đền, Từ thương tình cởi áo ra chuộc cho về. Sau Từ thôi quan về quê, qua Nga Sơn gặp lại nữ lang, tức tiên nữ Giáng Hương. Nay ở Nga Sơn còn một cửa hang gọi là động Từ Thức, tương truyền là nơi Từ Thức gặp tiên.

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên?

Câu 2. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích?

Câu 3. Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong văn bản?

Câu 4. Câu thơ *Hoa còn phong nhụy, trắng vừa tròn gương* có ý nghĩa gì?

Câu 5. Tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật nào khi miêu tả vẻ đẹp của nàng Giáng Kiều? Nêu tác dụng của bút pháp nghệ thuật đó?

Câu 6: Việc sử dụng các điển tích trong đoạn trích Bích câu kỳ ngộ nhằm mục đích gì?

Câu 7. Nhận xét về tình cảm của chàng Tú Uyên trong lần đầu gặp gỡ người đẹp?

Câu 8. Từ nội dung của đoạn trích trên, anh/chị hãy cho biết thể nào là "người đẹp trong tranh" hay "người đẹp như tranh"? Hãy chia sẻ tưởng tượng của mình về hình ảnh người đẹp bước ra từ bức tranh?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1:

Thể thơ lục bát

Câu 2:

Phương thức: biểu cảm, tự sự, miêu tả

Câu 3:

Từ láy: Nhỏn nhỏ, tha thướt, rành rành, thoang, lóng lánh, rườm rà

Câu 4:

Chỉ người con gái trinh nguyên, xuân thì, e ấp, có vẻ đẹp thanh thoát.

Câu 5: Biện pháp ước lệ tương trung

Tác dụng:

- Tăng sự sinh động, hấp dẫn cho lời thơ, giúp câu thơ cô đọng, hàm súc
- Nhấn mạnh vào sự say mê, si tình của Tú Uyên trước vẻ đẹp như tiên, như mộng của Giáng Kiều.

Câu 6:

Việc sử dụng các điển tích trong đoạn trích khiến cho chúng ta dễ dàng liên tưởng, khái quát về một vấn đề được nhắc tới trong văn bản. Không chỉ vậy, việc sử dụng điển tích còn khiến cho đoạn văn trở nên giàu cảm xúc hơn, dễ gây ấn tượng với người đọc.

Câu 7:

Chàng Tú Uyên vô cùng say mê, bị hút hồn bởi vẻ đẹp như tiên nữ của Giáng Kiều, chàng như ngây dại trước vẻ đẹp nghiêng nước, nghiêng thành của nàng từ ánh mắt, đến dáng điệu..

Câu 8:

Người đẹp như tranh hay người đẹp trong tranh là nhận định để so sánh về vẻ đẹp xuất chúng, nghiêng nước nghiêng thành, dung mạo xuất thần, đẹp tựa như những qui chuẩn của tranh vẽ.

- Hình ảnh người đẹp bước ra từ bức tranh theo tưởng tượng là vẻ đẹp tuyệt trần, hiếm có.

Bài 4:**Đọc đoạn trích:**

Chỉ với hai câu đề, hình ảnh bà Tú đã hiện lên như chân dung một cuộc đời, một duyên phận:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Chẳng biết tài hoa tạo nên chữ nghĩa hay là tình thương đã tự tìm ra tiếng nói riêng của nó, mà chữ nào ở đây cũng sắc nét, cũng đượm tình. Bà Tú đang nổi lên hay chìm đi trong cái nhộn nhạo chợ đời? Bà hiện ra trong vòng công việc hay công việc đã cột chặt lấy bà trong cái vòng triền miên và mòn mỏi của nó? Hai chữ “quanh năm” không chỉ là độ dài thời lượng mà gợi ra cái vòng vô kì hạn của thời gian. Hai chữ “mom sông” vẽ ra một không gian ngõ như tương phản nào ngờ lại tương hợp với thời gian. Tương phản vì nó là một thẻo đất hẹp nhỏ hắt ra lòng sông. Lại tương hợp vì nó gợi ra cái thế tồn tại thật chông chênh của bà Tú. Cả thời gian lẫn không gian đều như hòa vào với nhau làm nặng thêm cái gánh nhọc nhằn đè trên vai người vợ ấy. Câu thứ hai vừa phơi bày cái gánh nặng kia vừa giải thích cái lí do khiến người vợ hiền thảo phải hằng ngày “xuất gia” chường mặt ra với đời. Và đó là một cái gánh éo le: “Nuôi đủ năm con với một chồng”. Xuân Diệu đã thật tinh tế khi phát hiện ra những đấng đót trong cái cách đếm chồng. Con thì có thể đếm, còn chồng chỉ có một, sao lại đếm. Khi chữ “một” trước chữ “chồng”, ông Tú đã hạ bậc mình xuống hàng con. Nghĩa là cay đắng nhận ra mình cũng chỉ là một thứ con trong cái gánh nặng của vợ. Và cũng là một nỗi cay cực không kém chất chứa trong hai từ “nuôi đủ”. Người chồng nói chữ “đủ” mà đắng lòng xót dạ. Không chỉ đủ về số (năm với một), đủ về thành phần (cả con lẫn chồng), mà còn đủ cả mọi nhẽ mọi bề (như cầu đòi hỏi), đủ mùi đủ vẻ (khi hơn thua, lúc thành bại),... Cái gánh nhọc nhằn đè trên vai bà Tú là thế: đầu này là

năm đứa con, đầu kia là một ông chồng. Chữ “chồng” dần xuống cuối câu bằng tất cả nỗi hồ thẹn của người chồng xem chừng đã làm đầu gánh như cúi hẳn xuống vậy.

Mới chỉ hai câu đề thôi mà thi đề “Thương vợ” ngỡ đã đủ đầy. Hình ảnh tuy mới phác mà nét đã sắc, tình tuy mới bộc bạch mà đã ngập tràn. Nó thật xứng đáng là cặp câu hay nhất của bài thơ.

(Trích *Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”*, Chu Văn Sơn, in trong *Tác phẩm văn học trong nhà trường – những vấn đề trao đổi*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định luận điểm của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng được đưa ra để làm sáng tỏ luận điểm trong đoạn trích.

Câu 3. Phân tích tác dụng của việc kết hợp cách trình bày vấn đề chủ quan và cách trình bày vấn đề khách quan trong đoạn trích.

Câu 4. Em hiểu thế nào về câu văn “*Chẳng biết tài hoa tạo nên chữ nghĩa hay là tình thương đã tự tìm ra tiếng nói riêng của nó, mà chữ nào ở đây cũng sắc nét, cũng đượm tình.*”?

Câu 5a. Từ hình tượng bà Tú trong hai câu thơ của Tú Xương, em có suy nghĩ gì về vai trò của người phụ nữ trong xã hội hiện nay?

Câu 5b. Theo em, suốt đời hi sinh cho chồng cho con có phải là bổn phận của người phụ không ? Vì sao ?

Gợi ý :

Câu 1: Luận điểm của đoạn trích: Vẻ đẹp của hình tượng bà Tú trong hai câu đề bài thơ *Thương vợ* (Tú Xương).

Câu 2 : Các lí lẽ:

+ Nhận xét về ý nghĩa hình ảnh thời gian “quanh năm”, không gian “mom sông”.

+ Phân tích bằng chứng để cho thấy gia cảnh “nuôi đủ năm con với một chồng” của bà Tú, thái độ tự mỉa mai của ông Tú.

+ Đánh giá chung về hai câu thơ đề “thật xứng đáng là cặp câu hay nhất bài thơ”.

- Các bằng chứng: Phân trích dẫn hai câu đề bài thơ. Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu đề: “quanh năm”, “mom sông”, “nuôi đủ năm con với một chồng”, “chồng”.

BÀI 8. Câu 3 : - Cách trình bày vấn đề khách quan: trích dẫn hai câu thơ đề từ bài *Thương vợ*; nêu ý nghĩa của các cụm từ “quanh năm”, “mom sông”, “nuôi đủ năm con với một chồng”.

- Cách trình bày vấn đề chủ quan: những cụm từ, câu văn thể hiện tình cảm, thái độ của người viết: “*triền miên và mòn mỏi*”, “*và đó là một cái gánh éo le*”, “*cay đắng nhận ra*”, “*và cũng làm một nỗi cay cực không kém chất chứa*”..., “*cái gánh nhọc nhằn*”, “*nó thật xứng đáng là cặp câu hay nhất bài thơ*”,...

=> Cách kết hợp này làm tăng sức thuyết phục của đoạn trích nghị luận, vừa đảm bảo tính khách quan, chính xác, chân thực của các bằng chứng (thông qua cách trình bày vấn đề khách quan), vừa tác động vào tình cảm, khơi gợi sự đồng cảm của người đọc đối với tình cảm, đánh giá của người viết trong đoạn trích (thông qua cách trình bày vấn đề chủ quan).

BÀI 9. Câu 4: Cách hiểu câu văn: “Chẳng biết tài hoa tạo nên chữ nghĩa hay là tình thương đã tự tìm ra tiếng nói riêng của nó, mà chữ nào ở đây cũng sắc nét, cũng đượm tình.”:

- Hai câu đề của bài thơ *Thương vợ* (Tú Xương) là nơi tụ hội của những từ ngữ sắc nét, đượm tình trong bài thơ.

- Cái hay, cái đẹp của một bài thơ được tạo nên không chỉ bởi sự tài hoa của nhà thơ mà còn xuất phát từ nguồn cảm hứng sáng tạo vô tận “tình thương”.

Câu 5 a. : - Hình tượng bà Tú trong hai câu thơ đề bài thơ “Thương vợ” (Tú Xương): Bà Tú chịu nhiều vất vả mưu sinh để lo toan cho chồng con. Hai câu thơ cho thấy số phận nhiều cơ cực và sự hi sinh của bà Tú vì gia đình.

- Suy nghĩ về vai trò của người phụ nữ trong xã hội hiện nay:

+ Bình đẳng giới trong xã hội ngày càng được quan tâm và thay đổi theo hướng tích cực, người phụ nữ vì thế mà có một vai trò, vị trí xứng đáng: Khác với người phụ nữ trong xã hội xưa, người phụ nữ trong xã hội ngày nay được học hành, được làm công việc mình yêu thích, được chọn người mình yêu thương để kết hôn, được đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong xã hội,...

+ Tuy nhiên, do tư tưởng trọng nam khinh nữ đã tồn tại nhiều năm, “ăn sâu vào máu thịt” của nhiều thế hệ nên nhiều phụ nữ trong xã hội hiện nay vẫn phải hứng chịu nhiều thiệt thòi: nhiều phụ nữ bị coi rẻ, phải làm việc nhà nhiều gia đình không cho con gái đi học cao,...

=> Chúng ta cần nhận thức về vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội và hành động vì một xã hội bình đẳng.

Câu 5b. Theo em, suốt đời hi sinh cho chồng cho con không phải là bản phận của người phụ nữ, vì :

- Hi sinh luôn là đức tính tốt đẹp và là bản năng của người phụ nữ. Tuy nhiên, nếu người phụ nữ chỉ tập trung mọi sức lực vào việc phục vụ chồng con, coi chồng con là tất cả hạnh phúc, phụ thuộc vào chồng cả tinh thần lẫn vật chất thì sẽ đánh mất đi giá trị, lý tưởng của cuộc sống người phụ nữ.

- Người phụ nữ cũng cần sống cho riêng mình, cũng cần theo đuổi những ước mơ, hoài bão, sở thích của cá nhân mình.

Bài 5:

CẢNH NGÀY HÈ VÀ NỖ NIỀM NGHIÊU THUẬN (Về bài *Bảo kính cảnh giới số 43*^(*) của Nguyễn Trãi)

Cảnh ngày hè trước hết là một cảnh tượng rục rờ và rộn rã. Nếu tuân theo nguyên lí *thi trung hữu họa*, người đọc hoàn toàn có thể cảm thụ thi phẩm như một bức tranh. Một bức tranh được vẽ bằng ngôn từ. Một bức tranh nghiêng về gam màu nóng, theo lối phân loại của hội họa. Thật là gam màu đặc trưng của ngày hè.

Hai câu đề, với những nét bút đầu tiên, đã đưa ngay cái không khí hè đến với người đọc :

Rồi hóng mát thuở ngày trường

Hoè lục đùn đùn tán rợp giương

Ngày hè hiện ra với một tâm thế, một thời gian, một không gian khá ăn nhập với nhau. Ba chữ *Rồi hóng mát* đã gợi ra hình ảnh một Ưc Trai trong dịp nhàn rỗi hiếm hoi nào đó đang hóng mát ngày hè. Nhưng ba chữ *thuở ngày trường* mới giàu sức gợi hơn. Ngày mà

dài thì đúng là đã tóm được cái chênh lệch đẽm ngắn ngày dài khá đặc trưng của mùa hè. Nhưng có phải chỉ là chuyện thời lượng đơn thuần không? Hình như còn là chuyện tâm lí nữa. Khoảng thời gian nào mà lại có thể khiến một con người vốn ham gánh vác việc xã tắc giang sơn này cảm nhận là *thuở ngày trường* ? Thời ông đang làm rường cột bận bịu với chính sự giữa cung đình của một vị quan đầu triều ư? Không thể. Khi ấy, người say sưa hành sự khó mà cảm nhận về *ngày trường*. Vì thanh nhàn bên ngoài chính cuộc của Úc Trai chăng? Mà đâu chỉ hiện trong nghĩa của chữ, tâm thế ấy như còn ẩn trong âm vang của lời. Chẳng phải thế sao? Câu khai mở đã gây một cảm giác lạ đối với người quen đọc thơ thất ngôn bát cú. Có một cái gì đó như là giao thoa của những cảm giác trái chiều : ngắn mà lại dài, mau mà lại khoan. Sao thế nhỉ ? Có phải vì đó mà một câu phá cách: lời chỉ có sáu tiếng (lục ngôn), tiết tấu chỉ có hai (3/3) ? Cả chuỗi lời thì ngắn, mỗi tiết tấu lại dài. Số nhịp thì dồn lại, mỗi nhịp lại trải ra. Sự co giãn này có hiệu quả gì đây? Hãy lắng nghe âm vang của nó :

Rồi hóng mát/thuở ngày trường

Chẳng phải nó tạo ra một ngữ điệu khá đặc biệt, chứa đựng những tình điệu dường như cũng trái chiều: vừa hồi thúc lại vừa thong dong? Thong dong mà hồi thúc, nhàn cư mà bận tâm, chẳng phải là cái tâm thế thường trực ở Úc Trai hay sao? Có lẽ sẽ không ngoa khi nói rằng chính tâm thế này đã ngầm tìm kiếm cho nó kiểu cấu trúc ngôn từ như thế trong câu khai mở! Người nghiên cứu hiện đại có thể gọi đó là sự tham gia sáng tạo của vô thức chăng?

[...]

(Theo Chu Văn Sơn, in trong *Thơ điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục, 2007)

Chú thích:

(*) **Bài thơ *Bảo kính cảnh giới số 43* của Nguyễn Trãi :**

*Rồi hóng mát thuở ngày trường
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.
Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng
Dân giàu đủ khắp đòi phương.*

Thực hiện các yêu cầu sau :

Câu 1. Xác định luận điểm chính của đoạn trích.

Câu 2. Đoạn trích đã chỉ ra điểm phá cách nào ở câu thơ mở đầu của bài thơ ?

Câu 3. Chỉ qua một đoạn trích nhỏ trên, ta đã phần nào hiểu được về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện qua bài thơ *Bảo kính cảnh giới số 43*. Vậy em hãy nhận xét về tâm hồn Nguyễn Trãi qua lời bình về hai câu đề của bài thơ.

Câu 4. Phân tích tác dụng của việc kết hợp cách trình bày vấn đề chủ quan và cách trình bày vấn đề khách quan trong đoạn trích.

Câu 5. Dựa vào nhan đề và mạch lập luận trong bài, theo em, người viết còn cần những luận điểm nào để làm sáng tỏ luận đề của bài viết?

Gợi ý :

Câu 1 : Luận điểm được nêu lên trong đoạn trích là cảnh ngày hè được thể hiện qua hai câu đề của bài thơ.

Câu 2 : Đoạn trích đã chỉ ra điểm phá cách ở câu thơ mở đầu của bài thơ là : Câu mở đầu là câu lục ngôn, ngắt nhịp 3/3.

Câu 3 : Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện qua lời bình về hai câu đề của bài thơ :

- Là người yêu nước, yêu dân, luôn lo nghĩ cho dân cho nước cho dù về ở ẩn,

“nhàn cư mà bận tâm “.

- Là người yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống : Dành ra những giây phút thanh nhàn hiếm hoi trong cuộc đời của mình để ngắm cảnh ngày hè.

BÀI 10. Câu 4 : Văn bản có sự kết hợp giữa cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan:

+ Cách trình bày vấn đề khách quan: Trích dẫn các câu thơ từ bài thơ *Bảo kính cảnh giới số 43*, nêu ý nghĩa của các cụm từ trích dẫn từ bài thơ “Rời hóng mát”, “thuở ngày trường”, “ngày trường”.

+ Cách trình bày vấn đề chủ quan: những cụm từ, câu văn thể hiện tình cảm, thái độ của người viết: Hàng loạt các câu hỏi tu từ: “Nhưng có phải là chuyện đơn thuần không?... Vì thế, chữ *ngày trường* gợi ra những ngày nhàn cư mà chẳng tạ thanh nhàn bên ngoài chính cuộc của Ưc Trai chẳng?

- Tác dụng: Cách kết hợp này làm tăng sức thuyết phục của VB, vừa đảm bảo tính khách quan, chính xác, chân thực của các bằng chứng (thông qua cách trình bày vấn đề khách quan), vừa thể hiện tình cảm, đánh giá của người viết trong VB (thông qua cách trình bày vấn đề chủ quan).

Câu 5: Dựa vào nhan đề và mạch lập luận trong bài, theo em, bài viết còn cần những luận điểm sau để làm sáng tỏ luận đề:

- Bức tranh cảnh ngày hè trong các câu thơ tiếp theo.

- Nỗi niềm Nghiêu Thuấn lo cho dân, cho nước của Nguyễn Trãi trong bài thơ.

Bài 6 :

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Hồi còn nhỏ, nhỏ xíu, tôi chưa có bạn gái. Suốt ngày chỉ chơi với... mẹ tôi và bà nội tôi. Mẹ tôi rất thương tôi nhưng vì mẹ sợ ba nên ít khi mẹ che chở được tôi trước những trận đòn của ba tôi. Bà tôi thì lại khác. Bà sinh ra ba nên ba phải sợ bà. Điều đó thật may mắn đối với tôi.

Hồi nhỏ tôi rất nghịch, ăn đòn khá thường xuyên. Điều đó buộc đầu óc non nớt của tôi phải tìm cách đối phó với những trận đòn trừng phạt của ba tôi. Mỗi lần phạm lỗi, hề thấy ba tôi dợm rút cây roi mây ra khỏi vách là tôi vội vàng chạy sang nhà bà tôi. Bà tôi thường nằm trên cái sập gỗ lim đen bóng, bên dưới là những ngăn kéo đựng thuốc bắc của ông tôi. Bà nằm đó, miệng bồm bẻm nhai trầu, tay phe phẩy chiếc quạt mo cau với một dáng điệu thong thả.

- Bà ơi, bà!- tôi chạy đến bên chiếc sập, hỏn hển kêu.

Bà tôi chỏi tay nhòm dậy:

- Gì đó cháu?

- Ba đánh! – Tôi nói, miệng méo xệch.

- Cháu đừng lo! Lên đây nằm với bà!

Bà tôi dịu dàng trấn an tôi và đưa tay kéo tôi lên sập, đặt tôi nằm khuất sau lưng bà, phía sát tường. xong, bà tôi xoay người lại, nằm quay mặt ra ngoài.

Lát sau, ba tôi bước qua, tay vung vẩy con roi dài, miệng hỏi:

- Mẹ có thấy thằng Ngạn chạy qua đây không?
- Không thấy.

Bà tôi thản nhiên đáp và tiếp tục nhai trầu. Tôi nằm sau lưng bà, tim thót lại vì lo âu. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe tiếng bước chân ba tôi xa dần. {...}.

Bà tôi không bao giờ từ chối yêu cầu của tôi. Bà vừa gãi lưng cho tôi vừa thủ thỉ kể chuyện cho tôi nghe. Những câu chuyện đời xưa của bà tôi nghe đã thuộc lòng.... Tuy vậy, mỗi khi bà kể chuyện, tôi luôn luôn nằm nghe với cảm giác hứng thú hết như lần đầu tiên, có lẽ do giọng kể dịu dàng và âu yếm của bà, bao giờ nó cũng toát ra một tình cảm trìu mến đặc biệt dành cho tôi khiến trái tim tôi run lên trong một nỗi xúc động hân hoan khó tả. Và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay, với trái tim không ngừng thổn thức.

(Nguyễn Nhật Ánh. *Mắt biếc*, Nxb Trẻ, 2021)

Câu 1: Nêu chủ đề của đoạn trích

Câu 2: Xác định ngôi kể, người kể trong đoạn trích. Theo em việc sử dụng ngôi kể và người kể đó có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện chủ đề của văn bản?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong những câu văn sau:

Tuy vậy, mỗi khi bà kể chuyện, tôi luôn luôn nằm nghe với cảm giác hứng thú hết như lần đầu tiên, có lẽ do giọng kể dịu dàng và âu yếm của bà, bao giờ nó cũng toát ra một tình cảm trìu mến đặc biệt dành cho tôi khiến trái tim tôi run lên trong một nỗi xúc động hân hoan khó tả.

Câu 4: Bằng đoạn văn khoảng 15 câu em hãy phân tích đoạn truyện trên.

Câu 5: Trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình trong cuộc sống của mỗi con người.

Gợi ý:

Câu 1: Chủ đề của đoạn trích: Những kỉ niệm tuổi thơ bên gia đình

Câu 2:

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất
- Người kể chuyện: Nhân vật tôi (Ngạn)
- Tác dụng:

+ Khi kể chuyện từ ngôi thứ nhất, người đọc cảm nhận được sự gần gũi, chân thực và sinh động của câu chuyện. Những trải nghiệm, cảm xúc của người kể được truyền đạt trực tiếp, giúp người đọc dễ dàng đồng cảm và thấu hiểu.

+ Ngôi kể thứ nhất cho phép tác giả bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc một cách tự nhiên đặc biệt là tình cảm và tâm trạng của nhân vật tôi (người kể chuyện) trước tình cảm đặc biệt mà bà dành cho mình.

=> Nhờ ngôi kể và người kể này, đoạn trích không chỉ thể hiện rõ nét tình cảm bà cháu mà còn làm cho câu chuyện trở nên sâu lắng, cảm động và dễ đi vào lòng người đọc.

Câu 3:

- Biện pháp tu từ so sánh: "hứng thú hết như lần đầu tiên."
- Tác dụng:

- + Góp phần làm tăng tính gọi hình, gọi cảm, giúp lời văn thêm sinh động và hấp dẫn hơn.
- + Làm nổi bật sự hứng thú của nhân vật tôi với những câu chuyện của bà. Những câu chuyện ấy dù đã nghe nhiều lần, nhưng sự thích thú của cháu dường như vẫn còn nguyên vẹn
- + Cho thấy tình cảm sâu đậm, lòng biết ơn của nhân vật “tôi” dành cho bà nội của mình.

Câu 4: Bài văn phân tích cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Giới thiệu đoạn trích, tác giả, cảm nhận về tác phẩm
 - Phân tích được nội dung và chủ đề của truyện : Ca ngợi tình cảm của người bà bà cháu.
 - + Bà luôn sẵn sàng bảo vệ cháu khỏi những trận đòn của ba. Mỗi khi cháu gặp nguy hiểm, bà là người che chở và mang lại sự an toàn cho cháu.
 - + Bà dịu dàng trấn an cháu mỗi khi cháu sợ hãi, thể hiện qua việc đưa cháu lên sập, đặt cháu nằm khuất sau lưng và bảo đảm rằng ba không thể tìm thấy cháu.
 - + Bà không chỉ che chở cháu mà còn chăm sóc cháu bằng những hành động nhỏ nhặt nhưng đầy tình cảm như gỡ lưng và kể chuyện cho cháu nghe. Bà luôn ở bên cạnh để làm cho cháu cảm thấy thoải mái và yên bình.
- ⇒ Người bà trong đoạn trích là biểu tượng của tình yêu thương vô điều kiện, sự bảo vệ và chăm sóc tận tụy dành cho cháu. Qua hình ảnh người bà, đoạn trích tôn vinh tình cảm gia đình và sự quan trọng của tình yêu thương giữa các thế hệ.

- Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện:
- + Người kể chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất, từ góc nhìn của nhân vật "tôi", giúp câu chuyện trở nên gần gũi và chân thực. Điều này cho phép người đọc cảm nhận trực tiếp cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật, tạo nên sự đồng cảm sâu sắc.
- + Các chi tiết miêu tả về bà nội và những hành động của bà khi bảo vệ và chăm sóc cháu được thể hiện rõ ràng, sống động, gần gũi, thân thuộc của làng quê Việt Nam.
- + Câu chuyện được lồng ghép những cảm xúc chân thực, từ nỗi sợ hãi của nhân vật "tôi" khi bị ba đánh đến cảm giác an toàn, yêu thương khi được bà bảo vệ. Những cảm xúc này được diễn đạt một cách tinh tế, tự nhiên, khiến người đọc dễ dàng cảm nhận và hòa mình vào câu chuyện.
- + Đoạn trích sử dụng nhiều đoạn đối thoại giữa các nhân vật, giúp câu chuyện trở nên sinh động và thực tế hơn. Lời thoại của nhân vật được xây dựng phù hợp với tính cách và hoàn cảnh, làm tăng thêm tính chân thực và sự hấp dẫn cho câu chuyện.
- + Đoạn trích sử dụng biện pháp so sánh để diễn tả cảm xúc của nhân vật một cách tinh tế, như cảm giác hứng thú khi nghe bà kể chuyện "hết như lần đầu tiên". Sự so sánh này giúp người đọc .

Câu 5: Bài viết cần đảm bảo ý sau

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận vai trò của gia đình

II. Thân bài

1. Khái niệm

- + Gia đình là một cộng đồng người cùng chung sống, gắn bó với nhau bằng các mối quan hệ huyết thống, hôn nhân và tình cảm, cũng có thể là quan hệ nuôi dưỡng hay giáo dục.
- + Một gia đình theo truyền thống Việt Nam sẽ bao gồm các thành viên: Vợ chồng, cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, anh em họ hàng, cô, dì, chú, bác.

2. Vai trò và ý nghĩa của gia đình

+ Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, bình yên thoải mái trong tâm hồn. Sự hài hòa trong đời sống của các thành viên trong gia đình, thể hiện tình cảm khăng khít, một tình cảm thiêng liêng giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái.

+ Gia đình là điểm tựa tinh thần vững chắc cho các thành viên mỗi khi gặp khó khăn, trở ngại, gặp vấp ngã trên đường đời,...

+ Gia đình là nơi con cái tìm về để được gia đình che chở, an ủi động viên mỗi khi gặp bế tắc cần sự khuyên bảo đùm bọc bởi cha mẹ, anh em ruột thịt.

+ Gia đình mang đến sự ấm áp trong tâm hồn xoa dịu bớt những nỗi đau, chông gai của cuộc đời, nơi chan chứa niềm yêu thương và hạnh phúc, là nơi sinh thành, nuôi dưỡng ta trưởng thành.

+ Là nơi hình thành nhân cách, phẩm chất đạo đức của mỗi người. Đặt biệt trẻ nếu không được gia đình chăm sóc, bảo bọc và dạy dỗ từ gia đình cha mẹ sẽ dễ dàng bị cám dỗ ngoài xã hội và có những hành động vi phạm pháp luật nếu không có sự kèm cặp và quản lý từ gia đình.

+ Gia đình là nguồn động viên, hỗ trợ về tinh thần để mỗi người nỗ lực hơn, mạnh mẽ và vững vàng hơn trong cuộc sống.

+ Gia đình tốt sẽ tạo nên một xã hội tốt

3. Cách để xây dựng một mái ấm gia đình hạnh phúc.

+ Xây dựng không khí gia đình đầm ấm, hạnh phúc và no đủ.

+ Mỗi gia đình biết cách giáo dục, quan tâm và chăm sóc con trẻ.

+ Không nên tách rời bản thân khỏi tình yêu thương và sự quan tâm từ phía gia đình...

3. Ý kiến trái chiều- Phản đề

- Bên cạnh đó vẫn còn có nhiều người chưa nhận thức được tầm quan trọng của gia đình, sống vô tâm, hời hợt thờ ơ với mọi người.

- Cũng có những người thiếu đi sự may mắn, không có gia đình hoặc có một gia đình chưa trọn vẹn.

III Kết bài: Bài học nhận thức, bài học hành động, liên hệ bản thân

- Khẳng định vai trò của gia đình

- Liên hệ bản thân, thông điệp để gửi đến mọi người

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

A. PHẦN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG TRỌNG TÂM:

1. Chương I: Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945.

2. Chương II. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945.

3. Chương III. Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- 70% trắc nghiệm - 30% tự luận.

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA

1. Trắc nghiệm.

1.1 Trắc nghiệm khách quan: Chọn phương án trả lời đúng nhất!

- Câu 1.** Năm nào Liên Xô và Đồng minh chiến thắng tại Stalingrad, ghi lại một điểm quan trọng trong Chiến tranh Thế giới II?
 A. 1941 B. 1942 **C. 1943** D. 1944
- Câu 2.** Ai là người kế nhiệm Lenin sau khi ông qua đời năm 1924?
 A. **Joseph Stalin** B. Leon Trotsky
 C. Nikita Khrushchev D. Vyacheslav Molotov
- Câu 3.** Kết quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở châu Âu đó là gì?
 A. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân ở mỗi nước.
 B. Tấn công mạnh mẽ vào chính quyền thống trị ở các nước.
C. Sự ra đời của các Đảng cộng sản ở mỗi nước.
 D. Lật đổ chế độ quân chủ tồn tại ở mỗi nước.
- Câu 4.** Trong phong trào Ngũ tứ quần chúng giương cao khẩu hiệu đấu tranh gì?
 A. “Trả quyền độc lập cho người Trung Quốc”.
 B. “Các nước đế quốc rút khỏi Trung Quốc”.
C. “Trung Quốc của người Trung Quốc”.
 D. “Phế bỏ các điều ước đã kí với nhà Thanh”.
- Câu 5.** Vì sao Nhật bản tiến hành xâm lược, bành trướng ra bên ngoài?
 A. Nhật chưa có thuộc địa.
 B. Nhật tham vọng mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình.
C. Nhật thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, thiếu thị trường.
 D. Nhật muốn làm bá chủ thế giới.
- Câu 6.** Ngày 15/8/1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào trong tiến trình cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai?
 A. Mĩ thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
 B. Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông của Nhật.
C. Nhật Bản chấp nhận đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
 D. Quân Đồng minh truy kích phát xít Nhật.
- Câu 7.** Nhận định nào Đúng nhất về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với Lịch sử nhân loại trong thế kỉ XX?
 A. Cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa, gây thiệt hại to lớn về người và của cải.
B. Cuộc chiến tranh lớn nhất, kéo dài nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất.
 C. Gây nhiều đau khổ, mất mát cho nhân loại và thiệt hại lớn nhất về vật chất.
 D. Chiến tranh chứng tỏ các nước không thể điều hòa và giải quyết các mâu thuẫn.
- Câu 8.** Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập nhằm mục đích gì?
 A. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
 B. Tập hợp lực lượng chuẩn bị vùng dậy đấu tranh.
C. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và ta sai để tự cứu lấy mình.
 D. Làm lực lượng chính của cách mạng Việt Nam.
- Câu 9.** Báo Thanh niên và tác phẩm Đường Kách mệnh đã trang bị lí luận gì cho các cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?
 A. Lí luận Mác – Lê nin. B. Tư tưởng dân chủ tư sản.
C. Lí luận cách mạng giải phóng dân tộc. D. Chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến.
- Câu 10.** Chủ trương “vô sản hoá” của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên nhằm mục đích gì?
 A. Tăng thêm số lượng hội viên, mở rộng tổ chức.
 B. Kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân.

C. Tăng cường công tác vận động quần chúng.

D. Phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

Câu 11. Nguyễn Ái Quốc đóng vai trò như thế nào tại hội nghị thành lập Đảng (1/1930)?

A. Chủ trì và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

B. Chủ trì hội nghị thành lập Đảng.

C. Tham gia hội nghị với tư cách đại biểu của Quốc tế cộng sản.

D. Là đại biểu của một trong các tổ chức cộng sản của Việt Nam.

Câu 12. Lực lượng cách mạng chủ yếu được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng bao gồm:

A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức.

B. Công nhân, nông dân, trung và tiểu địa chủ.

C. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.

D. Công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 13. Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là khẩu hiệu nào?

A. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày”.

B. “Tự do dân chủ” và “Cơm áo hòa bình”.

C. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”.

D. "Chống đế quốc" "Chống phát xít".

Câu 14. Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là:

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Trị.

C. Thái Nguyên, Hải Dương, Bắc Giang, Quảng Nam.

D. Quảng Trị, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Hà Tiên.

Câu 15. Xô - Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh trong bối cảnh nào?

A. Cách mạng giải phóng dân tộc ở châu Phi đang giành được những thắng lợi to lớn: trong 1 năm có 17 nước Tây Phi, Trung Phi, Đông Phi giành được độc lập.

B. Cả hai đều bị suy giảm thế mạnh trên nhiều mặt, trong khi Nhật Bản, Tây Âu đang vươn lên mạnh mẽ.

C. Các nước Đông Âu đã giành được những thắng lợi quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.

D. Hết kinh phí để thực hiện chiến tranh, giảm mạnh tiền tệ và lương thực khiến hai nước phải dừng chiến tranh.

Câu 16. Chiến tranh lạnh chấm dứt đã có tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

A. Nhiều cuộc xung đột, tranh chấp đã được giải quyết bằng thương lượng hòa bình.

B. Hội đồng Tương trợ kinh tế tuyên bố giải thể.

C. Phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô đều bị thu hẹp.

D. Cuộc đua tranh giữa các cường quốc nhằm thiết lập trật tự thế giới đa cực diễn ra mạnh mẽ.

Câu 17. Tháng 3 – 1947 , Tổng thống của Mĩ đã chính thức phát động cuộc Chiến tranh lạnh nhằm mục đích gì ?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh.

C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ - Latinh.

- Câu 18.** Chiến tranh lạnh chấm dứt đã có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Đông Nam Á ?
- A. Vị thế của tổ chức ASEAN được nâng cao.
 B. Các quốc gia ở Đông Nam Á có điều kiện kiến thiết lại đất nước.
C. Vấn đề Cam – pu – chia từng bước được tháo gỡ.
 D. Kinh tế Đông Nam Á phát triển vượt bậc.
- Câu 19.** Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Chiến tranh lạnh là gì?
- A. Sự đối đầu giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
 B. Sự đối đầu giữa hai cường quốc Mỹ và Liên Xô.
C. Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược của Mỹ và Liên Xô.
 D. Sự hình thành trật tự hai cực I – an – ta.
- Câu 20.** Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu thực hiện từ năm 1945-1949?
- A. Tiến hành cải cách ruộng đất.
 B. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ.
 C. Ban hành các quyền tự do dân sinh dân chủ.
D. củng cố quyền lợi cho giai cấp tư sản.
- Câu 21.** Mục tiêu của Hội đồng tương trợ kinh tế SEV là gì?
- A. Tăng cường hợp tác và thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế kĩ thuật các nước.**
 B. Tăng cường hợp tác và thúc đẩy sự tiến bộ về quân sự ở các nước.
 C. Duy trì hòa bình an ninh ở khu vực các nước XHCN.
 D. Tăng cường sức mạnh để chống lại Mỹ và các nước TBCN.
- Câu 22.** Vì sao Mỹ thực hiện “Kế hoạch Mác-san”, viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu?
- A. Mỹ muốn giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau chiến tranh.
 B. Mỹ muốn tăng cường sức mạnh cho phe tư bản chủ nghĩa.
 C. Mỹ muốn mở rộng thị trường sang Tây Âu.
D. Mỹ lôi kéo các nước Tây Âu vào liên minh chống Liên Xô và Đông Âu.
- Câu 23.** Mục tiêu nào của Mỹ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.**
 B. Khống chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
 C. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.
 D. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mỹ trên toàn cầu.
- Câu 24.** Sự ra đời của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử Trung Quốc?
- A. Hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ ở Trung Quốc.
 B. Chấm dứt sự nô dịch và thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở Trung Quốc.
C. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và lên xã hội chủ nghĩa.
 D. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại hàng ngàn năm ở Trung Quốc.
- Câu 25.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ trong cuộc đấu tranh chống thực dân Anh?
- A. Cuộc khởi nghĩa của 2 vạn thủy binh Bombay (2/1946).
 B. Cuộc bãi công của 40 vạn công nhân Caccutta (2/1947).
 C. Hai nhà nước tự trị Ấn Độ và Pakixtan được thành lập (8/1947).
D. Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa (1/1950).

Câu 26. “Hòa bình, trung lập tích cực, luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc” là chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thời kì nào?

- A. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. Từ những năm 50 đến những năm 70 của thế kỉ XX.
- C. Từ những năm 70 của thế kỉ XX đến nay.

D. Đây là chính sách đối ngoại xuyên suốt của Ấn Độ.

1.2 Trắc nghiệm đúng/sai: Trong mỗi ý a), b), c), d) học sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S):

Câu 27. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về hậu quả của cuộc đại suy thoái 1929-1933 với kinh tế Nhật Bản?

- a) Sản lượng công nghiệp giảm 32,5%.
- b) Nhật tăng cường đầu tư vào quân sự.
- c) Khoảng 3 triệu người thất nghiệp.
- d) Thị trường lao động phát triển ổn định.

Câu 28. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về đặc điểm phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trong những năm 1918-1945:

- a) Phong trào dân chủ tư sản ngày càng rơi vào bế tắc so với những năm đầu thế kỉ XX.
- b) Giai đoạn 1940 - 1945: phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ.
- c) Giai đoạn 1940 - 1945: phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từng bước đi vào bế tắc.
- d) Nhiều chính đảng có tổ chức và ảnh hưởng xã hội rộng lớn đã ra đời.

Câu 29. Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a,b,c,d

“Bảo Đại đọc xong Chiếu thoái vị thì trên ki đài cờ vàng của nhà vua từ từ hạ xuống và lá cờ nên đỏ thắm tươi long lanh năm cánh sao vàng được kéo lên giữa những tiếng vỗ tay, những tiếng hoan hô như sấm... rồi ông Trần Huy Liệu đọc bản tuyên bố của Đoàn đại biểu Chính phủ, nêu rõ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của hàng mấy chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường, bền bỉ của nhân dân cả nước, tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ.....

(Phạm Khắc Hoè, Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, NXB Thuận Hoà, Huế, 1987, tr.86)

- a) Vua Bảo Đại thoái vị là mốc đánh dấu sự toàn thắng của Cách mạng tháng Tám năm 1945,
- b) Đoạn tư liệu chứng tỏ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trong phạm vi cả nước.
- c) Nội dung đoạn tư liệu phản ánh sự kiện vua Bảo Đại thoái vị ngày 30-8-1945 tại Huế.
- d) Đoạn tư liệu khẳng định chế độ quân chủ ở Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

Câu 30. Tác động của sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với Việt Nam là gì?

- a) Việt Nam trở thành nơi đụng đầu lịch sử giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- b) Việt Nam hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- c) Trật tự hai cực bị phá vỡ đã tạo điều kiện cho Việt Nam đạt được thành tựu trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội.
- d) Thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Tự luận.

Câu 1. Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám năm 1945?

Câu 2. Nêu hậu quả của chiến tranh lạnh?

Câu 3. Nêu nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1991?

IV. GỢI Ý TRẢ LỜI.

1. Phần trắc nghiệm: HS dựa vào kiến thức cơ bản của các bài học để lựa chọn phương án đúng nhất cho mỗi câu hỏi.

2. Phần tự luận:

Câu 1: HS dựa vào nội dung mục 4/bài 8 SGK để trả lời

Câu 2: HS dựa vào nội dung mục 3/bài 9 SGK để trả lời.

Câu 3: HS dựa vào nội dung mục 1/Bài 11 SGK để trả lời.

A. PHẦN ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương I: Địa lý dân cư

Chương II: Địa lý các ngành kinh tế

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- 70% trắc nghiệm - 30% tự luận.

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA

1. Trắc nghiệm.

A. TRẮC NGHIỆM 1 ĐÁP ÁN ĐÚNG.

Câu 1. Ở nước ta, các dân tộc Tày, H'Mông, Thái, Mường phân bố tập trung nhiều nhất ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trường Sơn - Tây Nguyên.
- C. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 2. Mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng

- A. 1 triệu người.
- B. 1,5 triệu người.
- C. 2 triệu người.
- D. 2,5 triệu người.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1989 - 2021

Năm	1989	1999	2009	2021
Số dân (triệu người)	77,6	82,4	85,1	86,9
Tỉ lệ dân số thành thị (%)	24,1	27,1	29,0	31,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân số thành thị của nước ta giai đoạn 1989 - 2021 theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Kết hợp.

Câu 4. Hiện nay, mặc dù tỉ lệ tăng dân số nước ta đã giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tăng nhanh là do

- A. đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện.
- B. kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ cao.
- C. quy mô dân số lớn, số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ chiếm tỉ lệ cao.
- D. hiệu quả của việc thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình chưa cao.

Câu 5. Diện tích nước ta là 331.344 km², số dân 98,5 triệu người (năm 2021). Mật độ dân số trung bình là bao nhiêu người/km²?

- A. 297 người/km².
- B. 280 người/km².
- C. 290 người/km².
- D. 300 người/km².

Câu 6. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta hiện nay đang có sự thay đổi theo hướng

- A. nhóm tuổi dưới 15 tăng; nhóm tuổi trên 60 giảm.
- B. nhóm tuổi dưới 15 giảm; nhóm tuổi trên 60 tăng.
- C. nhóm tuổi dưới 15 và nhóm tuổi trên 60 đều tăng.
- D. nhóm tuổi từ 15 đến 59 và nhóm tuổi trên 60 tăng.

Câu 7. Đâu không phải là đặc điểm về quần cư thành thị ở nước ta?

- A. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân số,...
- B. Mật độ dân số thấp.
- C. Công nghiệp, dịch vụ là hoạt động kinh tế chủ yếu.
- D. Đa chức năng như trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, đổi mới sáng tạo.

Câu 8. Nguyên nhân cơ bản làm cho tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn nước ta còn khá cao là do

- A. tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp, nghề phụ kém phát triển.
- B. thu nhập của người nông dân thấp, chất lượng cuộc sống không cao.
- C. cơ sở hạ tầng ở nông thôn, nhất là mạng lưới giao thông kém phát triển.
- D. trình độ lao động thấp, lao động chưa qua đào tạo chiếm tỉ lệ lớn.

Câu 9. Năm 2021, vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 10. Khu vực đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc chủ yếu do

- A. có nhiều làng nghề và các khu công nghiệp.
- B. lịch sử quần cư lâu đời, gia tăng dân số cao.
- C. kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi.

D. đất trồng tốt, sản xuất nông nghiệp trù phú.

Câu 11. Câu 2. Tỉnh có mật độ dân số trên 1000 người là

- A. Khánh Hòa B. Đà Nẵng C. Hưng Yên D. Long An

Câu 12. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ khoảng bao nhiêu trong tổng số dân năm 2021?

- A. 65% B. 15% C. 35% D. 85%

Câu 13. Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1999 – 2021

Năm	1999	2009	2019	2021
Nhóm tuổi				
Dưới 15 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
Từ 15 đến 64 tuổi	61,1	69,1	68,0	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

Nhận xét nào sau đây đúng với cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam giai đoạn 1999 – 2021?

- A. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên tăng
 B. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi trở lên tăng liên tục
 C. Tỉ lệ dân số dưới 65 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên tăng
 D. Tỉ lệ dân số dưới 65 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi trở lên giảm liên tục

Câu 14. Vùng nào của nước ta có mật độ dân số cao nhất cả nước?

- A. Đông Nam Bộ B. Trung du và miền núi Bắc Bộ
 C. Đồng bằng sông Hồng D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 15. Năm 2021, thành phố trực thuộc trung ương nào của nước ta có mật độ dân số dưới 1000 người/ km²?

- A. Thành phố Hà Nội B. Thành phố Hồ Chí Minh
 C. Thành phố Đà Nẵng D. Thành phố Hải Phòng

Câu 16. Dân cư nước ta sinh sống chủ yếu ở khu vực nào?

- A. Thành thị B. Nông thôn
 C. Miền núi D. Trung du

Câu 17. Cấu trúc quần cư nông thôn được thể hiện qua đặc điểm nào sau đây?

- A. Mật độ dân số thấp
 B. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân phố,...
 C. Sản xuất nông nghiệp là chủ yếu
 D. Nơi cư trú được cấu trúc thành xã, làng, xóm, bản,...

Câu 18. Phát biểu nào sau đây đúng về mật độ dân số nước ta?

- A. Ngày càng giảm
- B. Ít biến động
- C. Ngày càng tăng
- D. Mật độ thấp

Câu 19. Dân số Việt Nam đứng thứ ba Đông Nam Á sau các quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin.
- B. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.
- C. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.
- D. In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.

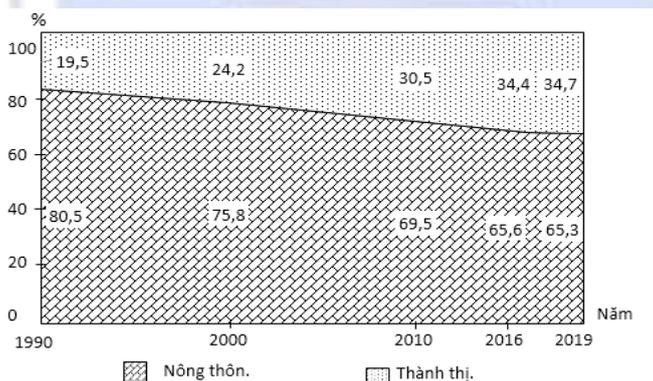
Câu 20. Năm 2021, cộng đồng người Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài có khoảng bao nhiêu người?

- A. hơn 5 triệu người
- B. hơn 6 triệu người
- C. khoảng 4 triệu người.
- D. khoảng 3 triệu người

B. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Mỗi câu a,b,c,d học sinh chọn đúng, sai và điền vào ô trống

Câu 1. Trong các câu sau, nhận xét nào đúng, nhận xét nào sai khi nói về cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 1990 – 2019.



Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta nước ta giai đoạn 1990 - 2019.

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- A. Dân số nước ta vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị. (S)
- B. Cơ cấu dân số nông thôn lớn hơn cơ cấu dân số thành thị. (Đ)
- C. Cơ cấu dân số thành thị nước ta có xu hướng tăng liên tục, tăng 15,2 %. (Đ)
- D. Cơ cấu dân số nông thôn nước ta có xu hướng giảm liên tục, giảm 15,2 %. (Đ)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021

	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5

Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94
---------------------------	------	------	------	------

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- A. Quy mô dân số nước ta giảm liên tục qua các năm. (S)
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất năm 2021. (Đ)
- C. Tỉ lệ gia tăng dân số giảm, quy mô dân số tăng do dân số đông, số người trong độ tuổi sinh đẻ ít. (S)
- D. Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021. (Đ)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

Năm	2015	2017	2018	2019	2020	2021
Dân số (triệu người)	91,71	93,67	94,67	96,48	97,58	98,51
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,12	1,11	1,17	1,15	1,14	0,95

- A. Dân số của nước ta tăng liên tục qua các năm, nhưng tỉ lệ gia tăng dân số lại có xu hướng giảm. (Đ)
- B. Mặc dù gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng dân số vẫn tăng do qui mô dân số nước ta lớn. (Đ)
- C. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm do thực hiện tốt chính sách dân số, nền kinh tế phát triển. (Đ)
- D. Để thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta, biểu đồ cột, đường, kết hợp là thích hợp. (S)

Câu 4. Cho thông tin sau:

Dân số trung bình năm 2022 của cả nước ước tính 99,46 triệu người, tăng 957,3 nghìn người, tương đương tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị 37,35 triệu người, chiếm 37,6%; dân số nông thôn 62,11 triệu người, chiếm 62,4%; Tỷ số giới tính khi sinh là 111,6 bé trai/100 bé gái.

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- A. Dân số trung bình của cả nước tăng. (Đ)
- B. Nước ta có sự mất cân bằng giới tính khi sinh. (Đ)

C. Số dân ở nông thôn vẫn còn nhiều do quá trình công nghiệp hóa chưa mạnh. (Đ)

D. Dân số của nước ta đông làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. (S)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021

	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Quy mô dân số nước ta giảm liên tục qua các năm.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất năm 2021.
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số giảm, quy mô dân số tăng do dân số đông, số người trong độ tuổi sinh đẻ ít.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021.

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Quốc gia	Lào	Mi-an-ma	Thái Lan	Việt Nam
Diện tích (nghìn km ²)	230,8	652,8	510,9	331,3
Dân số (nghìn người)	7 337,8	55 295,0	65 213,0	98 506,2

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Dân số Thái Lan đông nhất trong 4 quốc gia.
- b) Mật độ dân số của Việt Nam cao hơn Thái Lan.
- c) Diện tích Việt Nam gấp 3 lần diện tích của Lào.
- d) Mật độ dân số của Mi-an-ma cao nhất 4 nước.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO GIỚI TÍNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	2010	2015	2020	2022
Nam	43,1	45,8	48,6	49,6
Nữ	44,0	46,4	49,0	49,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

a) Tổng dân số, dân số nam và dân số nữ của nước ta tăng không ổn định trong giai đoạn 2010 – 2022.

b) Tỷ lệ dân số nam và dân số nữ của nước ta khá cân bằng trong cả giai đoạn từ năm 2010 đến 2022.

c) Tỷ số giới tính có xu hướng tăng lên và tiến tới cân bằng giữa nam và nữ, năm 2022 là 99,4/100.

d) Để thể hiện cơ cấu dân số theo giới tính của nước ta, biểu đồ cột, miền, tròn và kết hợp là thích hợp.

Phản tự luận:

Câu 1: Phân tích vai trò của các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

- **Vị trí địa lý:** nằm ở trung tâm của Đông Nam Á, khu vực phát triển năng động trên thế giới, thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển công nghiệp.

- **Khoáng sản:** cơ cấu đa dạng, một số loại có trữ lượng lớn như than đá, than nâu, khí tự nhiên, dầu mỏ, đá vôi, a-pa-tít, bô-xít,... thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất kim loại.

- **Nguồn nước:** mạng lưới sông ngòi dày đặc, nước ngầm dồi dào cung cấp nước cho các ngành công nghiệp. Sông chảy qua địa hình dốc có trữ năng thủy điện lớn, tạo điều kiện phát triển thủy điện. Các mỏ nước khoáng trữ lượng lớn như Quang Hanh, Kim Bôi, Vĩnh Hảo,... tạo thuận lợi phát triển ngành công nghiệp sản xuất đồ uống.

- **Sinh vật:** tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng, nhiều loài có giá trị kinh tế và giá trị dược liệu cao; nguồn hải sản dồi dào. Là nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm.

- **Các điều kiện khí hậu, địa hình:** khí hậu nhiệt đới gió mùa tạo điều kiện phát triển nông nghiệp đa dạng, năng suất cao, cung cấp nguyên liệu dồi dào cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm. Có số giờ nắng cao, lượng bức xạ lớn, gió quanh năm là cơ sở phát triển điện mặt trời, điện gió.

- **Hạn chế:** phần lớn các mỏ khoáng sản nước ta có quy mô nhỏ, phân bố không tập trung, nhiều loại có nguy cơ cạn kiệt; khí hậu nhiệt đới ẩm làm tăng chi phí làm mát, bảo quản máy móc,...

Câu 2: Trình bày sự phát triển ngành bưu chính viễn thông ở nước ta.

- Là ngành quan trọng, góp phần vào việc nâng cao đời sống người dân, tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế.

C. Bút thử điện. D. Cờ lê có cán cách điện.

Câu 5. Chọn lưu ý sai khi thiết kế sơ đồ nguyên lí.

- A. Công tắc luôn được vẽ ở trạng thái ngắt mạch điện.
- B. Mạch nguồn thường được đặt dọc.
- C. Vị trí của các thiết bị đóng cắt, lấy điện ở bên trái thiết bị điện.
- D. Vị trí của các thiết bị bảo vệ, lấy điện ở bên trái thiết bị điện.

Câu 6. Vỏ của công tắc điện thường làm bằng

- A. đồng, kẽm. B. gang, thiếc. C. nhựa, sứ. D. thủy tinh.

Câu 7. Khi sử dụng cầu dao để đóng điện cần thực hiện theo thứ tự các thao tác như thế nào để đảm bảo an toàn, tránh phát sinh tia lửa điện?

- A. Bật công tắc hoặc lấy điện từ ổ cắm; đóng cầu dao.
- B. Đóng cầu dao, bật công tắc hoặc lấy điện từ ổ cắm.
- C. Rút phích cắm khỏi ổ cắm, tắt công tắc, ngắt cầu dao.
- D. Tắt công tắc, ngắt cầu dao, rút phích cắm.

Câu 8: Công tơ điện một pha được sử dụng để

- A. Đo điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện. B. Đo cường độ dòng điện một chiều.
- C. Đo điện áp xoay chiều. D. Đo cường độ dòng điện xoay chiều.

Câu 9: Tiêu chí nào dưới đây không phải là tiêu chí khi lựa chọn vật liệu cách điện?

- A. Điện áp cách điện.
- B. Chống ẩm tốt.
- C. Độ bền cơ học cao.
- a. D. Môi trường chịu nhiệt kém.

Câu 10. Đồng hồ đo điện vạn năng (VOM) dùng để đo

- A. công suất điện, điện trở, cường độ dòng điện.
- B. cường độ dòng điện, điện áp, cường độ sáng.
- C. cường độ dòng điện, công suất điện, điện áp.
- D. điện áp, điện trở, cường độ dòng điện.

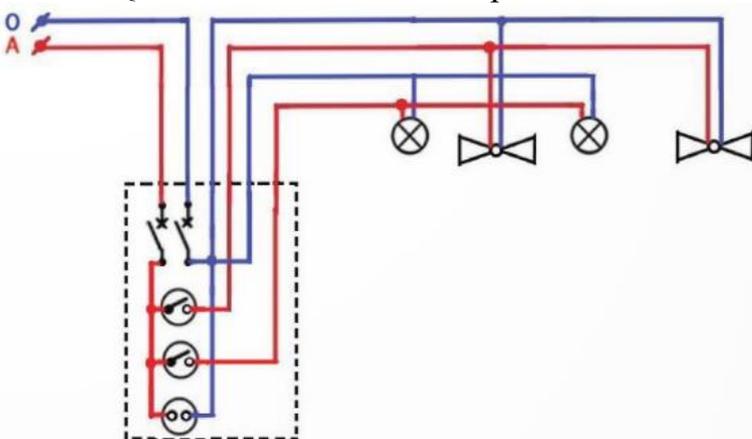
Câu 11. Bộ phận nào sau đây không có ở ampe kìm?

- A. Màn hình hiển thị. B. Que đo.
- C. Các cực nối điện. D. Hàm kẹp.

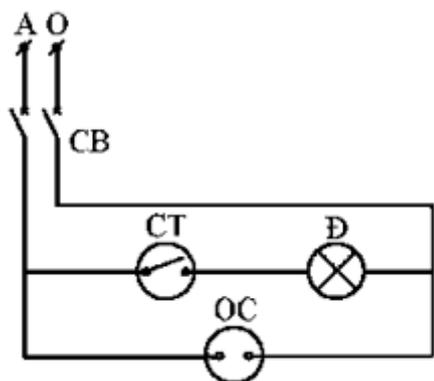
Câu 12: Bước cuối cùng trong quy trình lắp đặt mạng điện trong nhà:

- b. A. Kiểm tra, thử nghiệm hoạt động của mạng điện
- B. Vẽ sơ đồ lắp đặt
- C. Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật liệu
- D. Lắp đặt mạng điện

Câu 13: Quan sát hình bên và chọn phát biểu sai.



- A. Đồ dùng điện bao gồm: 2 đèn, 2 quạt trần.
- c. B. Đồ dùng điện bao gồm: 2 ổ điện, 2 bóng đèn.
- C. Bảng điện gồm công tắc chung cho các đèn.



- A. Sơ đồ nguyên lí
- B. Sơ đồ lắp đặt
- B. Sơ đồ minh họa
- D. Sơ đồ cấu tạo

Câu 24: Bảng điện một công tắc điều khiển một đèn như hình dưới đây thường được lắp đặt ở đâu trong nhà?



- A. Có thể lắp ở bất cứ đâu
- B. Chỉ được lắp ở cầu thang
- C. Được lắp ở giữa nhà
- D. Thường được lắp ở ngay lối ra vào

Câu 25. Công tắc điện là gì?

- A. Thiết bị dùng để đóng cắt điện cho các đồ dùng, thiết bị điện trong gia đình.
- B. Thiết bị đóng cắt điện cho toàn bộ hoặc một phần mạng điện trong nhà.
- C. Thiết bị dùng để đóng cắt điện cho toàn bộ hoặc một phần mạng điện trong nhà.
- D. Thiết bị lấy điện cho các đồ dùng điện: quạt điện, nồi cơm điện, bàn là điện,...

Câu 26. Tiêu chí nào sau đây để lựa chọn dây dẫn trong mạch điện?

- A. Mức điện áp.
- B. Loại điện áp.
- C. Cường độ dòng điện tiêu thụ.
- D. Loại vật liệu cách điện.

Câu 27. Vật liệu cách điện nào dưới đây thường được dùng cho mạng điện trong nhà?

- A. Băng dính cách điện.
- B. Ống đồng cách điện.
- C. Ống kim loại cách điện.
- D. Ống bạc cách điện.

Câu 28. Đâu **không phải** là nguyên nhân gây ra tình trạng Aptomat bị nhảy?

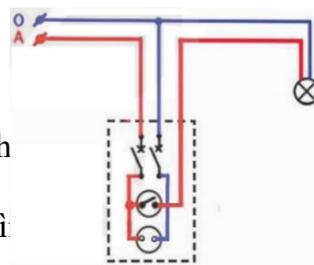
- A. Mất điện dài ngày.
- B. Điện bị rò rỉ.
- C. Aptomat bị trục trặc trong quá trình sử dụng.
- D. Đường điện bị quá tải.

Câu 29. Bước đầu tiên cần thực hiện khi tính toán chi phí lắp đặt mạng điện trong nhà là gì?

- A. Lập bảng thống kê số lượng thiết bị.
- B. Lập bảng thống kê số lượng vật liệu.
- C. Nghiên cứu sơ đồ lắp đặt mạng điện.
- D. Lập bảng tính toán chi phí.

Câu 30. Sơ đồ ở hình bên **không** chứa thiết bị nào dưới đây?

- A. Bóng đèn. B. Aptomat.
C. Ổ cắm. D. Quạt trần.



Câu 31. Phát biểu nào dưới đây **sai** về đồng hồ vạn năng?

- A. Đo các thông số điện một chiều. B. Đo điện bị quá tải để cắt mạch
C. Đo cường độ dòng điện. D. Đo hiệu điện thế.

Câu 32. Bộ phận nào dưới đây **không phải** là bộ phận cơ bản của ampe kì

- A. Hàm kẹp. B. Màn hình hiển thị.
C. Các cực nối điện. D. Thang đo.

Câu 33. **Lựa chọn ống luôn dây dẫn như thế nào?**

- A. Chọn ống dây có tiết diện lớn hơn tổng tiết diện các dây dẫn điện đi trong ống.
B. Chọn ống dây có tiết diện nhỏ hơn tổng tiết diện các dây dẫn điện đi trong ống.
C. Chọn ống dây có tiết diện bằng tổng tiết diện các dây dẫn điện đi trong ống.
D. Không cần quan tâm đến tiết diện của ống dây.

PHẦN 2- Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi ý a, b, c, d.

Câu 34: Trong tiết học môn Công nghệ 9, thầy giáo có yêu cầu các nhóm sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện áp một chiều của một mạch điện. Hà đại diện cho nhóm tiến hành đo:

- a. Để đồng hồ ở thang đo V(AC) và chọn mức thang đo lớn hơn nhưng gần giá trị cần đo.
b. Nối đầu đo màu đen với cổng chung COM, đầu đo màu đỏ với cổng V/Ω
c. Đặt 2 đầu đo vào 2 điểm bất kỳ
d. Đặt đầu đo màu đen vào điểm có hiệu điện thế thấp, đầu đo màu đỏ vào điểm có hiệu điện thế cao.

Câu 35: Do sự cố về điện nên bố Nam quyết định thay Aptomat tầng 2. Nam quan sát thấy số liệu ghi trên aptomat mà bố mới mua về là 30A – 240V.

- a. Số 30A là dòng điện tức thì đi qua aptomat
b. Số 240V là điện áp định mức của aptomat
c. Số 30A là công suất định mức của dòng điện
d. Số 240V là hiệu điện thế định mức của aptomat

Câu 36. Cho bảng giá tham khảo dưới đây:

Vật liệu, thiết bị	Dây dẫn điện loại 2 x 2, 5 mm ²	Dây dẫn điện loại 2 x 1,5 mm ²	Ống nhựa PVC loại Ø 20 mm ²	Ống nhựa PVC loại Ø 16 mm ²	Aptomat 20 A	Ổ cắm điện 20 A	Công tắc 5 A
Đơn giá	25.000	15.000	20.000	15.000	100.000	60.000	50.000

Phát biểu dưới đây là Đúng hay Sai?

- a. Tổng chi phí cho vật liệu cách điện là 120.000 đồng
b. Tổng chi phí cho vật liệu cách điện là 210.000 đồng
c. Tổng chi phí cho thiết bị điện là 210.000
d. Tổng chi phí cho thiết bị điện là 120.000?

TỰ LUẬN

Câu 1. Em hãy thiết kế sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt cho mạch điện gồm có : nguồn điện, cầu chì, 2 công tắc 3 cực và 1 đèn.

Câu 2. Thiết kế sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạch điện gồm: nguồn điện, hai cầu chì, hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn.

Câu 3.

- a. Trình bày các bước tính toán chi phí lắp đặt mạng điện trong nhà.

b. Cần thiết kế một mạch điện (có điện áp 220V) gồm ba mạch riêng rẽ: một mạch dùng cho mạch điện chiếu sáng có công suất 200 W; một mạch dùng cho ổ cắm điện cấp cho các đồ dùng đun nấu có công suất 800W; Một mạch dùng cho các đồ dùng điện khác có công suất 120W. Hãy lựa chọn dây dẫn cho ba mạch trên.

MÔN: GDCD

I. NỘI DUNG ÔN TẬP. Ôn các bài từ tuần 1 đến tuần 13 trong đó trọng tâm kiến thức:

- **Bài 3:** Tích cực tham gia các hoạt động công đồng
- **Bài 4:** Khách quan và công bằng
- **Bài 5:** Bảo vệ hòa bình

* **Yêu cầu :**

- Học sinh nắm được thế nào là hoạt động cộng đồng, giải thích được sự cần thiết phải tham gia vào hoạt động cộng đồng...
- Biết được biểu hiện của khách quan và công bằng, phê phán những biểu hiện thiếu khách quan công bằng...
- Giải thích được vì sao phải bảo vệ hòa bình, nhận ra những biện pháp bảo vệ hòa bình và lựa chọn tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hòa bình...
đức đã học...hiểu được
- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế...

* **Lưu ý:** Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy trong nội dung bài học. Dưới đây là một số câu hỏi trắc nghiệm gợi ý.

A. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

Câu 1: Sự kiện đánh dấu sự chấm dứt chiến tranh Việt Nam là?

- A. 30/4/1975.
- B. 01/5/1975.
- C. 02/9/1945.
- D. 30/4/1954.

Câu 2: Tình trạng không có chiến tranh, hoặc xung đột vũ trang. Thể hiện ở chỗ hiểu biết, tôn trọng hợp tác giữa các quốc gia được gọi là ?

- A. Hợp tác.
- B. Hòa bình.
- C. Dân chủ.
- D. Hữu nghị.

Câu 3: Người sống khách quan, công bằng có những biểu hiện nào sau đây?

- A. Dám phê phán, đấu tranh lại những hành vi thiếu công bằng.
- B. Có cách cư xử không phù hợp với chuẩn mực của xã hội.
- C. Có cách cư xử gây mâu thuẫn các mối quan hệ xã hội.
- D. Có cái nhìn chủ quan về sự vật, hiện tượng xung quanh.

Câu 4: Sự sụp đổ của một quốc gia hoặc một nền văn minh sau một thời gian dài sống trong hòa bình, bởi các yếu tố nội tại bị suy thoái chứ không phải do bị tấn công từ bên ngoài được gọi là?

- A. Diễn biến hòa bình.
- B. Diễn biến chiến tranh.
- C. Diễn biến cục bộ.
- D. Diễn biến nội bộ.

Câu 5: Phương châm của Việt Nam trong ngoại giao với các nước: “Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì..... Trong dấu “...” là?

- A. Hòa bình, hợp tác và phát triển.
- B. Hòa bình, dân chủ và phát triển.
- C. Hòa bình, hữu nghị và phát triển.
- D. Hòa bình, độc lập và phát triển.

Câu 6: Trong thôn em xuất hiện các đối tượng lạ đến phát các tờ rơi nói xấu Đảng và nhà nước và cho tiền bà con nhân dân để yêu cầu bà con đi biểu tình tại trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh. Trước tình huống đó em sẽ làm gì ?

- A. Tuyên truyền bà con làm theo các đối tượng lạ.
- B. Coi như không biết.
- C. Làm theo các đối tượng lạ.

D. Báo ngay với chính quyền địa phương để kịp thời giải quyết.

Câu 7. Toàn thể những người cùng chung sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt được gọi là

- A. Cộng đồng. B. Tập thể.
C. Dân cư. D. Làng xóm.

Câu 8. Tập thể nào dưới đây không phải là cộng đồng?

- A. Nhân dân trong khu dân cư. B. Người Việt Nam ở nước ngoài.
C. Tổ học tập. D. Trường học.

Câu 9: Hành vi nào dưới đây **không** thể hiện phẩm chất khách quan, công bằng?

- A. Đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.
B. Thẳng thắn phê bình khi bạn mắc lỗi.
C. Ủng hộ ý kiến sai theo số đông các bạn trong lớp.
D. Luôn biết lắng nghe ý kiến của nhân viên.

Câu 10. Cá nhân có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ mà cộng đồng giao phó, tuân thủ những quy định, những nguyên tắc...

- A. Của cuộc sống. B. Của cộng đồng.
C. Của đất nước. D. Của thời đại.

Câu 11: Thiếu công bằng sẽ dẫn đến hậu quả gì?

- A. Nhìn nhận đúng bản chất của sự vật, hiện tượng.
B. Xung đột, mâu thuẫn trong các mối quan hệ.
C. Con người cảm thấy được tôn trọng, tự tin trong cuộc sống.
D. Sai lầm trong ứng xử, công việc.

Câu 12: Biểu hiện nào **không** phải là khách quan, công bằng?

- A. Đề cử người có tài làm cán bộ lãnh đạo.
B. Giao công việc cho nam và nữ ngang nhau.
C. Xử phạt những học sinh vi phạm quy định của nhà trường.
D. Trong công việc, ưu ái người nhà hơn người ngoài.

Câu 13: Giữ gìn xã hội bình yên, dùng thương lượng và đàm phán để giải quyết các mâu thuẫn không để xảy ra chiến tranh hoặc xung đột vũ trang được gọi là ?

- A. Bảo vệ hòa bình. B. Bảo vệ pháp luật.
C. Bảo vệ đất nước. D. Bảo vệ nền dân chủ.

B. Câu hỏi trắc nghiệm đúng/ sai.

Câu 14: Trong lúc chờ tính tiền tại siêu thị, khi mọi người đang xếp hàng thì anh B lại cố tình chen lấn để vượt lên đầu hàng và đề nghị thu ngân thanh toán trước cho mình. Nếu em là một trong những người xếp hàng ở đây, em sẽ xử lý như thế nào?

- a) Xông vào đánh anh B vì hành vi thiếu lễ phép đó.
b) Mặc kệ anh B, dù gì cũng có người lên tiếng chống lại hành động đó của anh.
c) Nhẹ nhàng nhắc nhở anh B nên tuân theo quy định xếp hàng, vì có rất nhiều người đang phải đợi.
d) Gọi bảo vệ khu vực và công an tới xử lý hành động gây rối của anh.

Câu 15: Vì sao cần phải giáo dục cho học sinh về việc phải sống khách quan, công bằng?

- a) Vì học sinh còn nhỏ giáo dục sẽ dễ dàng và tiếp nhận hơn.
b) Vì học sinh là thế hệ tương lai của đất nước, giáo dục đúng đắn sẽ giúp ích cho việc xây dựng tương lai đất nước.
c) Vì học sinh cần được nhận một nền giáo dục tốt ngay từ nhỏ.
d) Vì học sinh thể hiện tinh thần tập thể, tính kỉ luật, hợp tác dễ dàng hơn người lớn.

II. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG. Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1: H được làm trọng tài trong trận bóng đá giữa hai lớp 9A và 9B. Vì chơi thân với đội trưởng của đội bóng lớp 9A nên H bỏ qua lỗi việt vị của đội này, dẫn tới bàn thua cho đội bóng lớp 9B. Thấy vậy, một số bạn của đội bóng lớp 9B đã rời sân khi trận đấu chưa kết thúc

Câu hỏi:

- Em có nhận xét gì về việc làm của bạn H?
- Theo em bạn H cần làm gì để bảo đảm tính khách quan và công bằng?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Tình huống 2: Mặc dù có sự chênh lệch về nội dung và hình thức giữa tập san của các tổ, K vẫn cho điểm bằng nhau vì không muốn làm mất lòng các bạn ở tổ có tập san kém hơn

Câu hỏi:

- Nhận xét việc làm của bạn K?
- Nếu là bạn cùng lớp, e, sẽ khuyên bạn điều gì?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

II. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

H/s vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống cụ thể.

MÔN: HĐTNHN

I/ Trọng tâm ôn tập:

- Chủ đề 1. Em với nhà trường
- Chủ đề 2. Khám phá bản thân
- Chủ đề 3. Trách nhiệm với bản thân
- Chủ đề 4. Rèn luyện bản thân

II/ Nội dung câu hỏi ôn tập:

- Kể những việc làm, hành động, lời nói thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với thầy cô, bạn bè.
- Lựa chọn và lập kế hoạch tổ chức một hoạt động phòng chống bắt nạt học đường.
- Em hãy nêu một số biểu hiện của sự thích nghi và chưa thích nghi với một số thay đổi có thể gặp phải trong cuộc sống.
- Em hãy chia sẻ một số cách ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và áp lực của cuộc sống
- Em hãy chia sẻ cách em thường sử dụng để tạo động lực cho bản thân mình trước khi thực hiện một công việc hoặc trước một kì thi quan trọng.

* Gợi ý trả lời:

Câu 2: Lập kế hoạch tổ chức thi tuyên truyền viên giỏi về phòng chống bắt nạt học đường.

Nhóm thực hiện: Nhóm

Thời gian thực hiện: Ngày ... tháng ... năm ...

Địa điểm thực hiện: Lớp 9A..., Trường Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt

Đối tượng tham gia: Học sinh lớp 9A..., Trường Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt

Công việc cần chuẩn bị:

- Dẫn chương trình: bạn
- Tài liệu: bạn
- Phần thưởng: bạn

Thể lệ cuộc thi:

- **Nội dung tuyên truyền:**
- Các hình thức bắt nạt học đường.
- Nguyên nhân của bắt nạt học đường.

- Tác động tiêu cực của bắt nạt học đường đối với cá nhân học sinh, lớp học, nhà trường,...
- Những biện pháp cần thực hiện để phòng chống bắt nạt học đường.
 - **Hình thức thi:** Thuyết trình, hùng biện, diễn tiểu phẩm,...
 - **Tiêu chí chấm điểm:** Nội dung đầy đủ, trình bày sáng tạo, có sản phẩm minh họa,...
 - **Cách thức thi:** Cá nhân hoặc nhóm.

Chương trình dự kiến:

- Người dẫn chương trình tuyên bố lí do, giới thiệu về cuộc thi và các thành phần tham gia.
- Thể hiện phần thi của các đội.
- Ban giám khảo công bố kết quả.

Tổng kết cuộc thi

- Đưa ra thông điệp phòng chống bắt nạt học đường.
- Cam kết không có hành vi bắt nạt học đường.

Câu 3. Một số biểu hiện của sự thích nghi và chưa thích nghi với một số thay đổi có thể gặp phải trong cuộc sống:

Sự thay đổi	Chưa thích nghi được	Đã thích nghi
Chuyển trường	<ul style="list-style-type: none"> - Ngại tiếp xúc với bạn mới. - Ngại tham gia các hoạt động tập thể của lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động bắt chuyện và làm quen với các bạn. - Tích cực tham gia các hoạt động tập thể của lớp.
Chuyển nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Không thích/không thấy phù hợp với chỗ ở mới của gia đình. - Chưa quen với đường xá, phong tục tập quán, hàng xóm, các điểm sinh hoạt văn hóa... tại chỗ ở mới. - Chưa quen với ngôi trường mới. - Chưa làm quen được với những người bạn mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận việc thay đổi chỗ ở mới của gia đình. Xác định trước những khó khăn phải đối mặt khi sống ở nơi ở mới. - Chủ động hỏi bố mẹ, người thân về nơi ở mới; chủ động tìm hiểu nơi ở mới (địa chỉ, khoảng cách từ nhà đến trường, đường xá, phong tục tập quán, hàng xóm, các điểm sinh hoạt văn hóa...). - Chủ động tìm hiểu ngôi trường mới. - Chủ động làm quen những người bạn mới.
Bố/mẹ tạm nghỉ việc	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa quen với việc bố/mẹ ở nhà, chưa tìm được công việc mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Động viên người thân cố gắng tìm công việc mới. - Chia sẻ, chơi với bố người thân mỗi tối khi học bài xong.
Bản thân bị ốm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ thể mệt mỏi, khó chịu, khó chịu với những người xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng nghỉ ngơi, uống thuốc đúng giờ để: - Mau khỏe lại cho bố mẹ đỡ vất vả. - Được đến trường học mỗi ngày.

MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

I. Nội dung ôn tập

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử Hà Nội, trọng tâm những bài học sau:

1. Hà Nội từ năm 1945 đến nay.
2. Xây dựng thành phố thông minh.
3. Khái quát nền kinh tế thành phố Hà Nội

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

I. Một số câu hỏi minh họa

Câu 1: Em hãy trình bày thái độ, hành động của nhân dân Hà Nội trước cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ tại Hà Nội (1954 – 1975)? Từ đó rút ra nhận xét.

Câu 2: Trình bày một số sự kiện chính của lịch sử thành phố Hà Nội từ năm 1975 đến nay?

Câu 3: Thành phố thông minh là gì? Theo em, thành phố thông minh có những đặc trưng cơ bản nào?

Câu 4: Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nguồn lực để phát triển kinh tế của thành phố Hà Nội.

II. Gợi ý

Câu 1:

Nhân dân Hà Nội kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975)	
Thái độ	Kiên quyết chống lại các đợt tấn công của đế quốc Mỹ.
Hành động	- Bắn rơi 358 máy bay, trong đó có 23 máy bay B52, 2 máy bay F111. - Đẩy mạnh sơ tán cơ quan, xí nghiệp, người già, trẻ em để bảo vệ tài sản và tính mạng của nhà nước và nhân dân. Vừa sản xuất vừa chiến đấu, Hà Nội tiếp tục giữ vững và nêu cao tinh thần quyết thắng lập nhiều chiến công mới.
Nhận xét	Đó chính là sức mạnh cổ vũ cho tinh thần đấu tranh của đồng bào miền Nam và là sự khẳng định chắc chắn vai trò hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn của miền Bắc, góp phần thúc đẩy cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi vào mùa xuân 1975 lịch sử.

Câu 2: Một số sự kiện chính của lịch sử thành phố Hà Nội từ năm 1975 đến nay:

a) Giai đoạn 1975 - 1985

- Sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Hà Nội trở thành thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội tập trung vào công tác tái thiết và xây dựng lại sau chiến tranh.

- Năm 1976, Cuộc bầu cử Quốc hội chung của cả nước diễn ra vào ngày 25/4. Quốc hội khóa VI họp lần đầu tiên vào ngày 24/6 tại Hà Nội.

- 1975-1986: giai đoạn khó khăn sau chiến tranh với tình trạng kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Hà Nội gặp nhiều khó khăn trong việc tái thiết kinh tế và ổn định xã hội.

- Năm 1980, Hiến pháp mới được thông qua, quy định Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

b) Giai đoạn 1986 - 2000

- 1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI tổ chức tại Hà Nội, khởi đầu cho công cuộc Đổi mới.

- 1989: Hà Nội bắt đầu thực hiện các cải cách kinh tế, mở cửa cho các doanh nghiệp tư nhân và đầu tư nước ngoài.

- 1994, Hà Nội được UNESCO công nhận là "Thành phố vì hòa bình".

c) Giai đoạn 2001 đến nay

- 2008, Hà Nội chính thức mở rộng địa giới hành chính, bao gồm cả tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

- 2010, Hà Nội kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật và lịch sử.

- Kinh tế Hà Nội tăng trưởng với tốc độ cao, cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ.

Câu 3:

Smart City – Thành phố thông minh là thành phố sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, triển khai và thúc đẩy các hoạt động phát triển, giải quyết thách thức của đô thị và tạo cơ sở hạ tầng bền vững, hỗ trợ công nghệ liên kết.

Những đặc trưng cơ bản

- Hệ thống giao thông thông minh, sử dụng công nghệ để giảm ùn tắc và tai nạn giao thông.
- Quản lý năng lượng cũng được tối ưu hóa thông qua các lưới điện thông minh và năng lượng tái tạo, giúp bảo vệ môi trường.
- Hạ tầng kỹ thuật số đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối cư dân và cung cấp dịch vụ công cộng hiệu quả hơn.
- Quản lý chất thải thông minh, với thùng rác và hệ thống thu gom tự động, giúp duy trì vệ sinh đô thị.
- Dịch vụ công cộng số hóa giúp người dân dễ dàng tiếp cận y tế, giáo dục và an ninh qua các nền tảng trực tuyến.
- Quản lý nước thông minh đảm bảo sử dụng nước hiệu quả và giảm lãng phí.

Câu 4: Các nội dung cần thể hiện trong sơ đồ tư duy

- Nguồn lực tự nhiên:

+ Địa hình: Địa hình Hà Nội vừa có đồi, núi và đồng bằng, trong đó diện tích của đồng bằng chiếm khoảng 3/4. Độ cao trung bình từ 5 - 20m so với mực nước biển.

+ Đất: 2 nhóm đất có ý nghĩa lớn : đất nông nghiệp và đất xây dựng.

+ Thủy văn: có 7 con sông lớn nhỏ gồm: sông Hồng, sông Đuống, sông Đà, sông Nhuệ, sông Cầu, sông Đáy, sông Cà Lồ. Trong đó, đoạn sông Hồng chảy qua Hà Nội dài tới 163km. Trong nội thành Hà Nội, ngoài 2 con sông Tô Lịch và sông Kim ngư còn có hệ thống hồ đầm là những đường tiêu thoát nước thải của Hà Nội.

+ Khí hậu: Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, thời tiết Hà Nội có đặc trưng nổi bật là gió mùa ẩm, nóng và mưa nhiều về mùa hè, lạnh và ít mưa về mùa đông.

+ Khoáng sản: Phát hiện được 82 mỏ và điểm quặng với 8 loại khoáng sản chính. Chiếm ưu thế hơn cả là sét các loại, cao lanh, cát xây dựng, than bùn, đá xây dựng, đá ong...

+ Sinh vật: Khu hệ thực vật, động vật trong các hệ sinh thái đặc trưng của Hà Nội khá phong phú và đa dạng.

- Nguồn lực con người: Lực lượng lao động dồi dào, trình độ học vấn cao, các trung tâm giáo dục đào tạo lớn.

- Vị trí địa lí: Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, nằm trên các tuyến giao thông quan trọng.

MÔN: TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR

* **Vocabulary** in Unit 1 – Unit 6

1. Local environment
2. City life.
3. Healthy living
4. Remembering the past
5. Our experiences
6. Vietnamese lifestyle: Then and Now.

* **Pronunciation**

- **Sounds:** related Unit 1,2,3,4,5,6
- **Stress:** The words have two, three, four syllables.

* **Grammar:**

1. Question Words Before To-Infinitives
2. Phrasal verbs.
3. Double comparatives.
4. Modal verbs in first conditional sentences.
5. “Wish” for present.
6. Past continuous
7. Verb + to - infinitive/ V-ing.

B.PRACTICE

EX1. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|--|--------------------------------|---|------------------------------|
| Question 1: A. <u>s</u> wing | B. <u>w</u> ind | C. <u>br</u> own | D. <u>w</u> atermelon |
| Question 2: A. <u>h</u> owever | B. <u>w</u> olf | C. <u>w</u> aiter | D. <u>t</u> wenty |
| Question 3: A. <u>f</u> olk | B. <u>c</u> ulture | C. <u>l</u> ocal | D. <u>v</u> alue |
| Question 4: A. <u>a</u> dvised | B. <u>a</u> s <u>sk</u> ed | C. <u>w</u> ell-balanced | D. <u>s</u> tressed |
| Question 5: A. <u>w</u> atching | B. <u>cr</u> oss <u>w</u> ord | C. <u>f</u> or <u>w</u> ard | D. <u>w</u> rong |
| Question 6: A. <u>t</u> rou <u>s</u> ers | B. <u>r</u> ou <u>n</u> dabout | C. <u>p</u> lay <u>g</u> rou <u>n</u> d | D. <u>t</u> ou <u>r</u> ist |
| Question 7: A. <u>u</u> nder | B. <u>u</u> nion | C. <u>u</u> mbrella | D. <u>u</u> npleasant |
| Question 8: A. <u>e</u> mbarr <u>s</u> sed | B. <u>a</u> ware <u>n</u> ess | C. <u>a</u> bandoned | D. <u>c</u> aptain |
| Question 9: A. <u>i</u> ncrease | B. <u>s</u> urpr <u>s</u> e | C. <u>r</u> el <u>s</u> ease | D. <u>p</u> rom <u>s</u> e |
| Question 10: A. <u>l</u> imest <u>s</u> one | B. <u>p</u> ilgr <u>s</u> im | C. <u>r</u> icksh <u>s</u> aw | D. <u>c</u> it <u>s</u> adel |

EX 2. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| Question 1: A. activity | B. environment | C. embarrassing | D. competition |
| Question 3: A. delivery | B. electrician | C. relationship | D. importantly |
| Question 3: A. message | B. common | C. begin | D. answer |
| Question 4: A. occupy | B. recognize | C. magnificent | D. monument |
| Question 5: A. pricey | B. unsafe | C. concrete | D. traffic |
| Question 6: A. happen | B. compete | C. remind | D. discuss |
| Question 7: A. librarian | B. geography | C. education | D. community |
| Question 8: A. museum | B. monument | C. cathedral | D. contestant |
| Question 9: A. skyscraper | B. populous | C. financial | D. fabulous |
| Question 10: A. competition | B. generation | C. conical | D. authenticity |

EX 3. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 1:** My family has a healthy _____ with regular exercise and a balanced diet.
- | | | | |
|--------------|----------|-------------|---------------|
| A. lifestyle | B. taste | C. material | D. generation |
|--------------|----------|-------------|---------------|
- Question 2:** My taste in music is _____ from my parents.
- | | | | |
|------------|--------------|----------------|----------------|
| A. various | B. different | C. independent | D. traditional |
|------------|--------------|----------------|----------------|
- Question 3:** We love to _____ outdoors during summer vacation.
- | | | | |
|---------|---------|----------|-----------|
| A. play | B. work | C. study | D. design |
|---------|---------|----------|-----------|

- Question 4:** At 10 PM last night, they _____ a documentary about space.
 A. watch B. watched C. were watching D. have watched
- Question 5:** I _____ a book when she called me on the phone.
 A. read B. was reading C. reads D. had read
- Question 6:** She _____ in the kitchen while her family was preparing the dinner.
 A. was cooking B. cooked C. cooks D. had cooked
- Question 7:** He decided _____ his lifestyle to improve his health.
 A. changing B. to change C. change D. to changing
- Question 8:** They enjoy _____ traditional games during family gatherings.
 A. playing B. to play C. play D. to playing
- Question 9:** She promised _____ her electronic devices less to focus on her studies.
 A. using B. to using C. use D. to use
- Question 10:** We plan _____ our extended family during the holidays.
 A. visiting B. to visit C. visit D. to visiting
- Question 11:** He suggested _____ the traditional farming tools at the museum.
 A. to see B. seeing C. see D. to seeing
- Question 12:** My parents agreed _____ natural materials for the art project.
 A. using B. to use C. use D. to using
- Question 13:** They _____ that movie in the theater yet, but they plan to go soon.
 A. not see B. haven't seen C. doesn't see D. hasn't seen
- Question 14:** We _____ in this city for over five years, and we really enjoy it.
 A. live B. lived C. have lived D. has lived
- Question 15:** The _____ was thrilling as it allowed us to observe various sea creatures.
 A. campsite B. snorkeling C. stream D. yearbook
- Question 16:** The student received an assignment to research _____ cultures.
 A. prehistoric B. amazing C. soft skill D. army
- Question 17:** He felt _____ when he couldn't help his friend in need.
 A. ethnic B. aware C. thrilling D. helpless
- Question 18:** The fewer natural resources we waste, _____ it is for the environment to recover and maintain ecological balance.
 A. better B. the better C. the worst D. the more bad
- Question 19:** I _____ my homework just in time for dinner.
 A. finishes B. finished C. has finished D. have finished
- Question 20:** She _____ her grandparents several times since the beginning of the year.
 A. visited B. visits C. has visited D. have visited
- Question 21:** If you don't understand the answer to a difficult question during class, you _____ ask the teacher for help.
 A. would B. should C. might D. could
- Question 22:** The _____ is a significant historical site recognized for its cultural value.
 A. office B. temple complex C. gym D. bookstore
- Question 23:** Many tourists come to visit the _____, which is listed as a World Heritage Site.
 A. library B. castle C. communal house D. cinema

- A. Arriving B. coming C. visiting D. going

Question 5. The ceasefire will only provide a **temporary** solution to the crisis.

- A. short-term B. permanent C. genuine D. Satisfactory

EX 7 Read the following advertisement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

Online English Tutoring Opportunity

We are looking for volunteers to tutor English online for secondary school students in Yen Bai province. This programme aims to help students improve their English skills and gain (1) _____ in using the language. If you have a strong command of English and enjoy teaching, we would love (2) _____ you join us. Tutoring sessions are flexible and can be scheduled at convenient times.

This is a great chance to make a positive impact (3) _____ students' education and support their future success. Interested? Please contact us to learn more about (4) _____ you can get involved!

- Question 1:** A. confidently B. confidential C. confidence D. confident
Question 2: A. to have B. having C. to having D. have
Question 3: A. by B. on C. in D. at
Question 4: A. which B. where C. what D. how

EX 8 Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.

GARDENING DAY PLAN

To make the most out of your gardening day, follow these steps:

- (1) _____ a list of plants you want to grow in your garden.
- Make sure you have all the tools you need (2) _____ starting.
- Water the plants (3) _____ in the morning or late afternoon to avoid evaporation.
- Remove (4) _____ weeds you see to help your plants grow better.

- Question 1:** A. Make B. Forget C. Hide D. Lose
Question 2: A. after B. before C. during D. under
Question 3: A. never B. either C. again D. just
Question 4: A. any B. most C. few D. every

EX 9 Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 2

Question 1: Put the sentences in the correct order, then fill in the blank to make a logical text

We had planned a relaxing weekend in the countryside. However, things didn't go as smoothly as we had hoped. _____.

- a. On the way there, our car suddenly broke down in the middle of the road.
 b. We were so excited to leave the city and enjoy some peace.
 c. After waiting for an hour, a kind driver stopped to help us.

- A. b - a - c B. a - c - b C. c - b - a D. b - c - a

Question 2: Choose the sentence that can end the text (in question 1) most appropriately

- A. Finally, we managed to reach our destination, but it was already dark.
 B. The countryside was beautiful, and we had a great time exploring it.

C. The car broke down, so we had to return home without enjoying the weekend.

D. We quickly found a mechanic, and the car was fixed in no time.

EX 10 Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 2

Question 1. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

To prepare for an important exam, follow these steps.

a. Moreover, make sure to review all your notes and practice with sample questions.

b. Create a study schedule that includes regular breaks to avoid pressure.

c. Start studying well in advance to give yourself enough time to understand the material.

A. a - c - b

B. c - a - b

C. b - c - a

D. a - b - c

Question 2. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in Question 1).

A. A good night's sleep before the exam is also important for success.

B. You should use different study techniques to find what works best for you.

C. Joining a study group can be helpful for discussing difficult topics.

D. Remember to stay positive and confident in your abilities.

EX 11 Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 6.

In the 1960s, life in Vietnamese schools was very different from today. Students wore simple uniforms, often made by their mothers. They walked or rode bicycles to school, as cars and motorbikes were not common. Schools were basic, with wooden desks and chalkboards, and sometimes classes were held outdoors.

Discipline was strict, and teachers were highly respected. Students addressed their teachers with great formality and stood up whenever they spoke. Lessons focused on reading, writing, and arithmetic, with a strong emphasis on memorization and recitation. Physical punishment, like a ruler on the knuckles, was not uncommon for misbehavior.

During breaks, students played traditional games like "o an quan" and "banh dua". These activities helped build strong friendships and teamwork. Without modern technology, students found joy in simple pleasures and learned to be creative with limited resources.

Exams were a significant part of school life. Students studied hard and often stayed up late to prepare. Success in exams was a source of great pride for families. Education was highly valued, as it was seen as the key to a better future.

Despite the hardships, many people look back on their old school days with fondness. The friendships made and the lessons learned have left a lasting impact. The simplicity and discipline of the past have shaped many successful individuals today.

Question 1. What is the main idea of the passage?

A. The simplicity of Vietnamese schools in the 1960s

B. The modern advancements in Vietnamese education

C. The traditional games played by students

D. The importance of exams in Vietnamese schools

Question 2. The word "simple" in the passage is CLOSEST in meaning to _____.

A. complicated

B. basic

C. expensive

D. modern

Question 3. According to the passage, how did students usually get to school in the 1960s?

- A. By car B. By motorbike C. By walking or bicycle D. By bus

Question 4. How did students show respect for their teachers in the 1960s?

- A. They addressed teachers casually and sat while speaking
 B. They addressed teachers formally and stood when speaking
 C. They did not interact with teachers much
 D. They greeted teachers with a handshake

Question 5. According to the passage, which statement is NOT true about Vietnamese schools in the 1960s?

- A. Teachers were highly respected.
 B. Students had access to modern technology.
 C. Physical punishment was sometimes used.
 D. Education was highly valued.

Question 6. The word "**significant**" in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. considerable B. unimportant C. essential D. marked

EX 12 Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 1: "You should join a sports club," said my friend.

- A. My friend told me to join a sports club.
 B. My friend suggested that I joined a sports club.
 C. My friend encouraged me to join a sports club.
 D. My friend advised me joining a sports club.

Question 2: They were able to complete the project on time despite the bad weather.

- A. Although the weather was bad, they managed to complete the project on time.
 B. Because the weather was bad, they could complete the project on time.
 C. They were unable to complete the project on time due to bad weather.
 D. Despite the bad weather, they couldn't complete the project on time.

Question 3: "Let's decorate the house for Christmas!" Lan said.

- A. Lan suggested decorating the house for Christmas.
 B. Lan advised decorating the house for Christmas.
 C. Lan suggested to decorate the house for Christmas.
 D. Lan advised to decorate the house for Christmas.

EX 14 Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 4: By the time/ we/ arrive/ home/ from the event, / the movie/ already start/ on TV.

- A. By the time we arrived home from the event, the movie had already started on TV.
 B. By the time we arrived home from the event, the movie already starts on TV.
 C. By the time we arrive home from the event, the movie had already started on TV.
 D. By the time we arrived home from the event, the movie has already started on TV.

Question 5: I/ enjoy/ play/ board games/ my family/ because/ it/ fun/ educational.

- A. I enjoyed playing board games with my family because it is fun and educational.
 B. I enjoy playing board games with my family because it is fun and educational.
 C. I enjoy to play board games with my family because it is fun and educational.
 D. I enjoyed to play board games with my family because it was fun and educational.

Question 6: *We all / wish/people / live / in peace / have / happy life /.*

- A. We all wish people lived in peace and have happy life.
- B. We all wish people are living in peace and having a happy life.
- C. We all wish people could live in peace and have a happy life.
- D. We all wish the people can live in peace and have a happy life.

Question 7: *staff / discuss / what / do / case / emergency.*

- A. The staff were discussing what to do in the case of an emergency.
- B. The staff are discussing what to do in case of emergency.
- C. The staff were discussing what they will do in case of emergency.
- D. The staff are discussing what are doing in the case of emergency

EX 15 *Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.*

Question 1: What does this sign say?

- A. Everyone should use this door to enter the building.
- B. This door is only for use in emergencies when you need to leave quickly.
- C. This door is locked and cannot be opened at all.
- D. You can use this door anytime you want to enter.



Question 2: What does this sign say?



- A. The floor is safe to walk on.
- B. Do not enter this area.
- C. Be careful because the floor is slippery.
- D. You must clean the floor before leaving.

Question 3: What does the sign say?



- A. You can park your car in any place here without rules.
- B. Do not park your car here; it is not allowed.
- C. Only customers can park in this area.
- D. You can park your car in any spot you like.

Question 4: What is the notice about?

"Please recycle paper and plastic in the bins"

- A. Use the recycling bins only for glass.
- B. Do not recycle paper and plastic.
- C. You should recycle paper and plastic in special bins.
- D. Throw paper and plastic in any trash can.

Question 5: What does the notice say?

- A. You can choose any table in the restaurant.
- B. You need to wait for staff to assign you a table.
- C. You must book a table in advance.
- D. You can only sit at reserved tables.

Please wait to be seated.

EX 16 Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 4.

- A. This would reduce the number of vehicles on the roads, easing traffic congestion
- B. One solution for this problem is to plant more trees and create more green spaces in the city
- C. solve the problems of traffic and pollution
- D. make the environment healthier for everyone

Traffic jams and pollution are two big problems in the city. Traffic jams occur when there are too many cars on the roads, making it difficult for people to move around quickly. To solve this, cities can encourage people to use public transportation, like buses or trains, instead of driving their own cars. (1) _____. Pollution is another issue in cities because there is too much dirty air from vehicles and factories. (2) _____. Trees provide oxygen and _____. In conclusion, we all need to work together to (4) _____. By using public transportation and starting green projects like planting trees, we can make our city environment more sustainable and enjoyable.

Question 1. _____ Question 2. _____ Question 3. _____ Question 4. _____

MÔN: NGHỆ THUẬT – PHẦN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “Tháng năm học trò”.
2. Hát bài “Lí Ngựa Ô”.
3. Tập đọc nhạc số 2

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm
2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

MÔN: NGHỆ THUẬT – PHẦN MỸ THUẬT

Câu 1: Nêu công năng, cấu tạo, hình dáng, màu sắc của bao bì?

Câu 2: Chia sẻ về mẫu bao bì sản phẩm của một thương hiệu trong cuộc sống mà em biết?

Câu 3: Nêu cách thiết kế và trang trí bao bì đựng đồ lưu niệm?

Câu 4: Thiết kế và trang trí một bao bì đựng đồ lưu niệm?

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

- Loại đạt: thực hiện được cơ bản đúng các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng (có thể thi lý thuyết).
- Loại chưa đạt: Thực hiện chưa đúng các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.

